



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

8

Tháng 4 - 2014

BỘ TRƯỞNG TRỊNH ĐÌNH DŨNG TIẾP VÀ LÀM VIỆC VỚI TỔNG BÍ THƯ ĐẢNG TIẾN BỘ VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, BỘ TRƯỞNG BỘ NHÀ Ở VÀ CHÍNH SÁCH ĐÔ THỊ MA-RỐC

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2014



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Tổng Bí thư, Bộ trưởng Bộ Nhà ở và Chính sách đô thị Ma-rốc Nabil Benabdellah



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Tổng Bí thư, Bộ trưởng Nabil Benaddellah cùng đoàn chụp ảnh lưu niệm

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

**THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI LĂM**

8

SỐ 8 - 4/2014



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 512/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 5
- Quyết định số 545/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1:500 Nhà tang lễ Quốc gia 7
- Quyết định số 561/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội 8

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 105/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh 10
- Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương 12
- Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong việc xây dựng và kiểm tra thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

(Trưởng ban)

CN. BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế “Khảo sát, xây dựng chương trình đào tạo trung cấp chuyên nghiệp ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp” 16
- Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Tp. Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 17
- Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn (tỉnh Hà Giang) đến năm 2030 18
- Hội thảo khởi động Dự án Xây dựng năng lực và hỗ trợ xây dựng kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực sản xuất xi măng tại Việt Nam 20
- Tiềm năng kiến trúc không gian mái của các tòa nhà cao tầng 22
- Tấm lợp xi măng amiăng - một loại vật liệu xây dựng quý 25
- Kính tiết kiệm năng lượng 28

Thông tin

- Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng tiếp và làm việc với đồng chí Nabil Benabdellah - Tổng Bí thư Đảng Tiến bộ và Chủ nghĩa Xã hội, Bộ trưởng Bộ Nhà ở và Chính sách đô thị Ma-rốc 31
- Hội nghị Tổng kết hoạt động năm 2013 và phương hướng hoạt động năm 2014 của Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản 32
- Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng (Coninco) kỷ niệm 35 năm ngày thành lập, đón nhận Huân chương Độc lập hạng III 35
- Chương trình Tín dụng 50.000 tỷ đồng ngành Xây dựng và sản phẩm “Chuỗi liên kết 4 nhà” trong ngành Xây dựng 37
- Viện Kinh tế Xây dựng kỷ niệm 40 năm ngày thành lập và đón nhận các danh hiệu khen thưởng của Nhà nước và Chính phủ 38
- Ban Kinh tế Trung ương làm việc với Bộ Xây dựng 40
- Phát triển các đô thị vừa và nhỏ là trọng tâm thúc đẩy đô thị hóa kiểu mới ở Trung Quốc 42
- Sự tiến hóa của nhà ở trong điều kiện mới 45

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 512/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025

Ngày 11/4/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 512/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 với quan điểm: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng trung du và miền núi phía Bắc, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực. Phát triển kinh tế với tốc độ nhanh và bền vững cùng với tái cơ cấu kinh tế một cách hợp lý để phát huy và khai thác có hiệu quả các thế mạnh, tiềm năng của tỉnh. Nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh và sức mạnh của các tiểu vùng, ngành động lực tăng trưởng. Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản và dịch vụ là hai trụ cột trong phát triển kinh tế nhằm tạo dựng vững chắc cơ cấu nền kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp ở giai đoạn sau năm 2020. Hoàn thiện đồng bộ mạng lưới giao thông, nâng cao trình độ người lao động và cải cách hành chính là ba khâu trọng yếu để thúc đẩy phát triển. Tăng cường liên kết kinh tế giữa Cao Bằng với các tỉnh miền núi Đông Bắc bộ và các tỉnh phía Tây và Tây Nam Trung Quốc làm động lực tháo gỡ khó khăn trong phát triển kinh tế. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững, tạo việc làm, nâng cao đời sống vật chất

kinh thần cho nhân dân, bảo vệ môi trường. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, giữ vững ổn định an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Về mục tiêu cụ thể, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân đạt khoảng 13,8%/năm giai đoạn đến năm 2015, khoảng 14,2%/năm giai đoạn 2016 - 2020 và khoảng 13,4%/năm giai đoạn 2021 - 2025, kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân từ 18 - 20%/năm. Đến năm 2015, cơ cấu kinh tế các ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, nông - lâm nghiệp - thủy sản tương ứng là 30,5%, 45,3% và 24,2%, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 1.179 USD/năm, thu ngân sách đạt khoảng 1.500 tỉ đồng/năm. Đến năm 2020, cơ cấu kinh tế các ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, nông - lâm nghiệp - thủy sản tương ứng là 33,4%, 46,6% và 20,2%, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 2.484 USD/năm, thu ngân sách đạt khoảng 4.300 tỉ đồng/năm. Tầm nhìn đến năm 2025, cơ cấu kinh tế các ngành công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, nông - lâm nghiệp - thủy sản tương ứng là 33,3%, 50% và 16,7%, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.143 USD/năm. Về môi trường, đến năm 2015, 87% dân số đô thị được dùng nước sạch, 86% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh. Phấn đấu đến năm 2020, 100% dân số đô thị, trên 90% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, có 100% đô thị có quy hoạch bãi rác thải và thực hiện công tác thu gom rác thải, trên 60% các

khu đô thị và trên 80% các cơ sở có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường, đảm bảo 100% địa bàn dân cư có môi trường nước, môi trường không khí và ô nhiễm chất thải rắn trong điều kiện tiêu chuẩn cho phép.

Về sản xuất vật liệu xây dựng, tiếp tục đổi mới công nghệ, nâng cao sản lượng và chất lượng các sản phẩm vật liệu xây dựng đảm bảo đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng trên địa bàn Tỉnh, tổ chức tốt việc khai thác các loại vật liệu sẵn có tại địa phương như đá, cát, sỏi. Về thủy lợi, cấp, thoát nước, bảo vệ, khai thác hiệu quả và phát triển bền vững tài nguyên nước, chủ động phòng chống, hạn chế đến mức thấp nhất tác hại do nước gây ra. Triển khai thực hiện theo tiến độ các dự án thủy lợi, trong đó chú trọng các công trình mang tính chất bền vững như các hồ chứa nước, các hồ thuộc hệ thống hồ chứa nước vùng sông Gâm, hệ thống hồ chứa nước vùng sông Quây Sơn, hệ thống hồ chứa nước vùng sông Bắc Vọng, hệ thống hồ chứa nước vùng sông Bằng, đầu tư gia cố đập hồ và nâng cấp hệ thống kênh mương. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hệ thống cấp nước cho thành phố Cao Bằng, các thị trấn, thị tứ và các khu dân cư đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu nước sinh hoạt cho người dân. Nghiên cứu đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, công nghiệp tập trung cho các đô thị, các bệnh viện, xây dựng hệ thống thu gom và xử lý rác thải tại các đô thị. Về bảo vệ môi trường, chú trọng bảo vệ môi trường sinh thái, duy trì diện tích rừng, góp phần giảm xói mòn và sạt lở đất. Tăng cường kiểm soát và xử lý các nguồn gây ô nhiễm nguồn nước, kiểm soát ô nhiễm chất thải rắn và khí thải công nghiệp, quản lý chặt chẽ khai thác khoáng sản đồng thời có biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động khai khoáng gây ra.

Về phát triển khu vực đô thị, định hướng phát triển thành phố Cao Bằng trở thành đô thị hiện đại, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của Tỉnh, nâng cấp và mở rộng thị trấn Tà Lùng

thành thị xã Tà Lùng, đạt đô thị loại IV; đầu tư mở rộng thị trấn Nước Hai để trở thành thị xã Hòa An, chuẩn bị các điều kiện cho sự hình thành thị xã Trà Lĩnh vào giai đoạn sau năm 2020 trên cơ sở nâng cấp thị trấn Hùng Quốc hiện nay; nghiên cứu hình thành thêm một số thị trấn mới tại các huyện giáp biên giới, có cửa khẩu, khu công nghiệp tập trung hoặc có khả năng phát triển du lịch sinh thái, nhằm tạo điều kiện phát triển sản xuất công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch và nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện được các mục tiêu đô thị hóa trong thời kỳ quy hoạch. Đối với việc phát triển khu vực nông thôn, tiến hành sắp xếp, bố trí, tổ chức lại khu vực dân cư nông thôn theo hướng hình thành khu vực tập trung dân cư nông thôn hoặc là bán nông thôn theo mô hình nông thôn mới. Làm thí điểm từ nay đến 2015 và triển khai đại trà vào giai đoạn sau: mô hình tập trung dân cư có quy mô trên dưới 100 hộ, khu vực tập trung dân cư bán nông thôn (các xã thuộc thành phố Cao Bằng) quy mô dân cư lớn từ trên 200 hộ dân. Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế kỹ thuật để nâng cao đời sống của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các chính sách hỗ trợ người dân nông thôn phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập. Phấn đấu đến năm 2020, tất cả các điểm dân cư nông thôn tập trung đều có đường giao thông thuận tiện và được cấp điện sinh hoạt đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của người dân.

Quyết định này cũng đề ra các giải pháp thực hiện Quy hoạch như tăng cường liên kết vùng, giải pháp huy động vốn, cơ chế, chính sách, cải cách hành chính, giải pháp về khoa học công nghệ, giải pháp phát triển nguồn nhân lực.

Ngoài ra, Quyết định cũng quy định cụ thể về việc tổ chức, giám sát thực hiện Quy hoạch.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 545/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1:500 Nhà tang lễ Quốc gia

Ngày 17/4/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 545/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1:500 Nhà tang lễ Quốc gia.

Theo Quyết định này, vị trí lập quy hoạch Nhà tang lễ Quốc gia tại xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, với quy mô lập quy hoạch khoảng 10 ha, được giới hạn như sau: Phía Bắc và phía Tây giáp khu cây xanh dự kiến, phía Nam giáp Đại lộ Thăng Long, phía Đông giáp khu cây xanh cách ly.

Mục tiêu lập quy hoạch là để thực hiện theo chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương tại văn bản số 1996-CV/BTCTW ngày 27/12/2012 về việc địa điểm xây dựng Nghĩa trang và Nhà tang lễ Quốc gia; tổ chức quy hoạch và bố trí hợp lý các hạng mục công trình phục vụ nhu cầu hoạt động tổ chức các Lễ Quốc tang, Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang cấp cao; tổ chức các khu chức năng, không gian kiến trúc cảnh quan đảm bảo tính tôn nghiêm, phù hợp tập quán văn hóa Việt Nam, hài hòa với không gian cảnh quan khu vực và đáp ứng với các hoạt động nghi lễ cấp cao; làm cơ sở pháp lý cho công tác triển khai và quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

Các hạng mục công trình chính được dự báo theo quy trình tổ chức tang lễ, bao gồm các khu sau: Công trình tổ chức tang lễ chính kèm theo các không gian phụ trợ phục vụ công trình chính; các hạng mục bảo quản thi hài, khâm liệm; khối văn phòng quản lý, phòng chờ đăng ký viếng, phòng nghỉ chờ của cán bộ cao cấp; sân nghi lễ; cổng vào, bảo vệ, tường rào, sân vườn cây xanh, mặt nước, cây xanh cách ly, đường giao thông nội bộ và bãi đỗ xe; các công trình phụ trợ khác.

Các yêu cầu nội dung lập quy hoạch bao gồm: Phân tích, đánh giá thực trạng về vị trí,

điều kiện tự nhiên, hiện trạng các công trình kiến trúc, hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các quy hoạch và dự án liên quan đến khu vực nghiên cứu quy hoạch; dự báo, tính toán nhu cầu sử dụng về đất đai, cơ sở hạ tầng có tính đến đất đai dự trữ phát triển; nghiên cứu xác định quy mô công trình, các khu vực phụ trợ thích hợp với tính chất của Nhà tang lễ Quốc gia; đề xuất, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan cho khu vực quy hoạch, định hướng kiến trúc công trình đối với các hạng mục theo hướng hiện đại có nghiên cứu tính dân tộc; đề xuất các giải pháp quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và đánh giá môi trường chiến lược; tính toán kinh tế xây dựng, đề xuất lộ trình và các giải pháp thực hiện Quy hoạch.

Thành phần hồ sơ sản phẩm theo quy định tại Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 về Quy hoạch xây dựng và các văn bản pháp luật liên quan; cơ quan lập quy hoạch là Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia; thời gian lập quy hoạch là 6 tháng kể từ khi Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

Theo Quyết định này, Bộ Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Hà Nội và các Bộ, Ban, ngành, cơ quan có liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện lập đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1:500 Nhà tang lễ Quốc gia tại xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội và trình duyệt theo đúng quy định; bố trí nguồn vốn và phê duyệt dự toán chi phí lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1:500 Nhà tang lễ Quốc gia và các hoạt động khác có liên quan.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 561/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội

Ngày 18/4/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 561/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch chi tiết đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội.

Mục tiêu của Quy hoạch là nhằm: Cụ thể hóa hướng tuyến đường Vành đai 5 trong các Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội, Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội, Quy hoạch phát triển đường cao tốc Việt Nam được duyệt; hoạch định quy mô, tiến độ đầu tư cụ thể cho các giai đoạn đến năm 2020, giai đoạn 2020 - 2030 và giai đoạn sau 2030 đảm bảo tính liên kết giữa các địa phương trong vùng, phù hợp với nhu cầu vận tải, khả năng nguồn lực; phân chia thành các đoạn tuyến theo địa giới hành chính các tỉnh, thành phố làm cơ sở cho việc triển khai lập và tổ chức thực hiện dự án đầu tư; làm cơ sở để xác định mốc quy hoạch của đường Vành đai 5 để địa phương triển khai các quy hoạch khác có liên quan.

Theo Quy hoạch này, đường Vành đai 5 đi qua địa giới hành chính của 36 quận, huyện, thành phố trực thuộc 8 tỉnh, thành, gồm: Thành phố Hà Nội, tỉnh Hòa Bình, tỉnh Hà Nam, tỉnh Thái Bình, tỉnh Hải Dương, tỉnh Bắc Giang, tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Vĩnh Phúc. Hướng tuyến chi tiết của từng đoạn như sau: Đoạn qua thành phố Hà Nội (dài khoảng 48 km) từ vị trí cầu Vĩnh Thịnh, tuyến nhập vào đi trùng đường Hồ Chí Minh dài khoảng 21,5 km, giao với cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình tại xã Yên Bình, huyện Thạch Thất, tuyến đi về phía Nam sang địa phận tỉnh Hòa Bình, đến khu vực Chợ Bến rẽ theo hướng Đông vượt sông Đáy sang địa phận tỉnh Hà Nam. Đoạn qua tỉnh Hòa Bình (dài khoảng 35,4 km) tuyến đi trùng hoàn toàn với đường Hồ Chí Minh trong quy hoạch, đi song song quốc lộ 21, giao với quốc lộ 6 tại phía Đông khu công

nghiệp Lương Sơn đến khu vực Chợ Bến, đi về phía Đông sang địa phận thành phố Hà Nội. Đoạn qua tỉnh Hà Nam (dài khoảng 35,3 km) từ điểm vượt sông Đáy tuyến đi mới song song quốc lộ 21B về phía Tây Nam, sau đó nhập và đi vào trùng tuyến quốc lộ 21B đoạn Chợ Dầu - Ba Đa khoảng 16,5 km, giao với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình tại nút giao Phú Thứ. Tuyến tiếp tục đi theo hướng Đông nhập vào đi trùng với tuyến nối 2 đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình khoảng 10 km, vượt sông Hồng qua cầu Thái Hà sang địa phận tỉnh Thái Bình. Đoạn qua tỉnh Thái Bình (dài khoảng 28,5 km) từ vị trí cầu Thái Hà tuyến đi trùng đường nối 2 tỉnh Hà Nam - Thái Bình khoảng 15,2 km đến đường huyện ĐH.64A, tuyến đi theo hướng Đông Bắc song song với ĐT.455, vượt sông Luộc tại vị trí cách cầu Hiệp khoảng 1 km về phía hạ lưu sang địa phận tỉnh Hải Dương. Đoạn đi qua tỉnh Hải Dương (dài khoảng 52,7 km) tại vị trí vượt sông Luộc, tuyến cơ bản đi trùng đường trục phát triển kinh tế Bắc - Nam đến đường ĐT.392, đi song song với quốc lộ 38B, giao với cao tốc Hà Nội - Hải Phòng tại xã Ngọc Kỳ, huyện Tứ Kỳ. Tuyến đi tránh thành phố Hải Dương về phía Đông và đi trùng với vành đai 2 tuyến quy hoạch của thành phố Hải Dương, hết đường vành đai 2 tuyến đi theo hướng Bắc giao với quốc lộ 5 tại phía Tây cầu Lai Vu, đi song song quốc lộ 37 về phía Đông và nhập vào đi trùng đường cao tốc Nội Bài - Hạ Long (quy hoạch) đoạn Côn Sơn - Kiếp Bạc khoảng 11,8 km đến nút giao quốc lộ 37 và tiếp tục đi theo hướng Bắc song song với quốc lộ 37 về phía Tây sang địa phận tỉnh Bắc Giang. Đoạn qua tỉnh Bắc Giang (dài khoảng 51,3 km) tuyến đi song song quốc lộ 37 về phía Tây, vượt sông Lục Nam tại phía hạ lưu cầu Lục

Nam, đi tránh thành phố Bắc Giang về phía Đông, giao với quốc lộ 1 tại xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang. Tuyến tiếp tục đi song song quốc lộ 37 về phía Đông, sau đó tuyến rẽ theo hướng Tây sang địa phận tỉnh Thái Nguyên. Đoạn qua tỉnh Thái Nguyên (dài khoảng 28,9 km) tuyến đi mới theo hướng Tây giao với quốc lộ 37 tại xã Hương Sơn, huyện Phú Bình, vượt sông Cầu và đi trùng với đại lộ Đông Tây - Khu tổ hợp Yên Bình, giao với đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên tại nút Yên Bình và đi trùng đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên khoảng 12 km, đi trùng quốc lộ 3 cũ khoảng 2,5 km đến vị trí nút giao trạm cân Quá Tải. Tuyến đi theo hướng Tây Nam qua thị xã Sông Công đến đèo Nhỡn, vượt dãy Tam Đảo tại đèo Nhe sang địa phận tỉnh Vĩnh Phúc. Đoạn qua địa phận tỉnh Vĩnh Phúc (dài khoảng 51,5 km) từ khu vực đèo Nhe tuyến đi theo hướng đường tỉnh ĐT.301 và đường tỉnh ĐT.310B đến nút giao Bình Xuyên, nhập vào đi trùng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai khoảng 14,5 km đến nút giao với quốc lộ 2C, tuyến tiếp tục đi trùng đường Hợp Thịnh - Đạo Tú đến quốc lộ 2, sau đó đi theo quốc lộ 2C, qua cầu Vĩnh Thịnh sang địa phận thành phố Hà Nội.

Về quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật, đường Vành đai 5 chính tuyến tiêu chuẩn đường cao tốc TCVN5729-2012 có đường gom, đường song hành, quy mô 4 - 6 làn xe, bề rộng nền đường tối thiểu $B_n = 25,5 - 33,0$ m cho các đoạn Sơn Tây - Phủ Lý và Phủ Lý - Bắc Giang thuộc địa phận thành phố Hà Nội, các tỉnh Hòa Bình, Hà Nam, Thái Bình, Hải Dương và Bắc Giang; tiêu chuẩn đường ô tô cấp II theo TCVN4054-05, quy mô 4 - 6 làn xe, bề rộng nền đường tối thiểu $B_n = 22,5 - 32,5$ m cho các đoạn Bắc Giang - Thái Nguyên và đoạn Thái Nguyên - Vĩnh Phúc - Sơn Tây thuộc địa phận các tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc và thành phố Hà Nội. Xây dựng đường gom, đường song hành tại các đoạn được nâng cấp,

mở rộng từ đường địa phương, đường đô thị và các đoạn đi qua khu đông dân cư với quy mô tối thiểu 1 làn xe theo TCVN4054-05 hoặc TCXD-VN 104-2007. Đường gom, đường song hành được đầu tư phân kỳ theo nhu cầu vận tải, sự phát triển của đô thị hai bên và được tính toán cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư.

Theo Quy hoạch này, dự kiến xây dựng các công trình: 25 nút liên thông và các cầu trục thông để đảm bảo liên hệ giao thông hai bên đường được thuận lợi; 2 vị trí hầm tại khu vực núi Voi và núi Bé thuộc huyện Hương Sơn, tỉnh Hòa Bình, mỗi hầm dài khoảng 300 m; 17 cầu lớn, 42 cầu trung và 45 cầu nhỏ trên toàn tuyến (trong đó có 2 cầu đặc biệt lớn vượt sông Hồng đang được triển khai theo dự án khác là cầu Thái Hà dài 2,1 km và cầu Vĩnh Thịnh dài 4,4 km). Nhu cầu sử dụng đất để xây dựng tuyến đường theo quy hoạch khoảng 1.532 ha, trong đó thành phố Hà Nội khoảng 260 ha, tỉnh Hòa Bình khoảng 192 ha, tỉnh Hà Nam khoảng 152 ha, tỉnh Thái Bình khoảng 169 ha, tỉnh Hải Dương khoảng 290 ha, tỉnh Bắc Giang khoảng 238 ha, tỉnh Thái Nguyên khoảng 117 ha, tỉnh Vĩnh Phúc khoảng 114 ha. Nhu cầu vốn đầu tư đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội khoảng 85.561 tỉ đồng (tính theo giá năm 2013), cụ thể như sau: Giai đoạn trước 2020 là 19.760 tỉ đồng, giai đoạn 2020 - 2030 là 32.175 tỉ đồng, giai đoạn sau 2030 là 33.626 tỉ đồng. Phần kinh phí này không bao gồm kinh phí các dự án đang triển khai, các khoản lãi vay trong thời gian thực hiện dự án, các chi phí khác tùy thuộc loại hình đầu tư. Các chi phí này sẽ được xác định cụ thể trong các dự án đầu tư.

Về tiến độ thực hiện, giai đoạn trước năm 2020, thông toàn tuyến đường Vành đai 5 theo các quốc lộ hiện hữu, xây dựng một số đoạn tuyến mới có nhu cầu từ 2 - 4 làn xe; giai đoạn 2020 - 2030, xây dựng toàn tuyến theo quy mô quy hoạch của đường Vành đai 5 đạt tối thiểu 4 làn xe theo tiêu chuẩn đường cao tốc và quốc

lộ; giai đoạn ngoài 2030, xây dựng hoàn chỉnh theo quy mô quy hoạch. Tiến độ xây dựng của từng dự án thành phần sẽ được điều chỉnh phù hợp theo tình hình phát triển kinh tế - xã hội cụ thể trong từng giai đoạn.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 105/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Ngày 31/3/2014, UBND tỉnh Bắc Ninh đã có Quyết định số 105/2014/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định quản lý chất thải rắn (CTR) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Theo Quy định này, tổ chức, cá nhân xả thải hoặc có hoạt động làm phát sinh CTR phải nộp phí cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTR. Chất thải phải được phân loại tại nguồn phát sinh, được tái chế, tái sử dụng, xử lý và thu hồi các thành phần có ích làm nguyên liệu và sản xuất năng lượng. Ưu tiên sử dụng các công nghệ xử lý CTR khó phân hủy, có khả năng giảm thiểu khối lượng CTR được chôn lấp nhằm tiết kiệm tài nguyên đất đai. Nhà nước khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý CTR.

CTR sinh hoạt phải được phân loại ngay tại nguồn để tái chế, tái sử dụng, thuận tiện cho việc xử lý, hạn chế gây ô nhiễm môi trường và giảm thiểu tỉ lệ chôn lấp. CTR sinh hoạt phải được lưu giữ trong các thùng, vật dụng tương ứng với từng nhóm chất thải, có mã màu sắc theo quy định: Thùng, vật dụng màu xanh lưu giữ CTR có thể tái chế, tái sử dụng; thùng, vật dụng màu vàng lưu giữ CTR có thể đốt được; thùng, vật dụng màu đen lưu giữ CTR chôn lấp. Hộ gia đình có phát sinh CTR sinh hoạt phải bố trí khu vực lưu giữ trong diện tích nhà, đất của gia đình, đảm bảo khu lưu giữ CTR sinh hoạt phải không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời tiết.

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ quan, trường học có phát sinh CTR sinh hoạt phải xây dựng khu lưu giữ riêng biệt trong khuôn viên của đơn vị, đảm bảo không bị ảnh hưởng của các yếu tố thời tiết, có rãnh thu gom chất lỏng đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi vệ sinh khu lưu giữ hoặc sự cố rò rỉ, đổ tràn. Chủ thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt là các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực về phương tiện thiết bị và con người. Chủ vận chuyển CTR sinh hoạt chỉ được phép hoạt động sau khi Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định. Phương tiện vận chuyển CTR sinh hoạt phải là phương tiện chuyên dụng, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn, đã được kiểm định và được các cơ quan chức năng cấp phép lưu hành. Trên các tuyến đường, tuyến phố, nơi tập trung đông người phải đặt các thùng rác công cộng tại các địa điểm thuận lợi, đảm bảo mỹ quan chung của khu vực, để phục vụ việc thu gom CTR sinh hoạt. Các đơn vị thực hiện việc vận chuyển CTR từ điểm tập kết về nơi xử lý tập trung đảm bảo thời gian lưu giữ CTR tại các điểm tập kết không quá 2 ngày. Trong quá trình vận chuyển CTR sinh hoạt, các phương tiện vận chuyển phải đi đúng tuyến đường, không làm rò rỉ, rơi vãi chất thải, gây phát tán bụi, mùi, khi vào khu xử lý chất thải phải tuân thủ quy

định của đơn vị quản lý khu xử lý chất thải. Việc đầu tư xây dựng khu xử lý CTR sinh hoạt phải phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch xây dựng chung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khu xử lý CTR sinh hoạt phải đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo quy định, có đầy đủ các công trình, biện pháp xử lý các loại chất thải phát sinh thứ cấp (nước thải, khí thải...) đảm bảo các tiêu chuẩn và quy chuẩn về môi trường. CTR sinh hoạt có thể được xử lý theo các công nghệ đốt, chôn lấp hợp vệ sinh hoặc các công nghệ khác phù hợp với đặc tính CTR sinh hoạt đã phân loại. Công nghệ xử lý phải đảm bảo vệ sinh môi trường, đáp ứng các quy chuẩn quốc gia về môi trường và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Cũng theo Quy định này, CTR công nghiệp bao gồm 2 loại là CTR công nghiệp nguy hại và CTR công nghiệp thông thường. CTR công nghiệp thông thường phải được kiểm soát, phân loại ngay tại nguồn thành từng nhóm chất thải có cùng đặc điểm, tính chất lý, hóa học. Tùy theo đặc điểm của từng cơ sở sản xuất mà CTR công nghiệp thông thường có thể được phân thành từng nhóm (nhóm các chất thải có thể thu hồi để tái sử dụng, tái chế; nhóm các CTR hữu cơ dễ phân hủy; các loại CTR khác không thể tái sử dụng). CTR công nghiệp thông thường được lưu giữ trong các thùng hoặc ngăn ô tương ứng với từng loại và phải được lưu giữ tại khu vực riêng biệt đảm bảo không bị tác động của các yếu tố thời tiết, có rãnh thu gom chất lỏng đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi vệ sinh khu vực lưu giữ hoặc sự cố rò rỉ, đổ tràn. Các tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở sản xuất phải tự tổ chức lưu giữ an toàn các loại CTR công nghiệp trong khuôn viên đơn vị mình và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển về nơi xử lý theo quy định. Chủ thu gom, vận chuyển CTR công nghiệp thông thường là các tổ chức, cá nhân có đủ năng lực về phương tiện, thiết bị và

con người, và chỉ được phép hoạt động sau khi được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định. Hoạt động thu gom, vận chuyển CTR công nghiệp thông thường do các đơn vị thu gom, vận chuyển thực hiện với các chủ nguồn thải thông qua hợp đồng dịch vụ. Phương tiện vận chuyển CTR công nghiệp thông thường phải là phương tiện chuyên dụng, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và an toàn, thùng xe kín khít, che chắn đảm bảo và được các cơ quan chức năng kiểm định cấp phép lưu hành. Đơn vị xử lý CTR công nghiệp là các tổ chức được thành lập và hoạt động sau khi được cấp có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động chính thức, có đủ năng lực về thiết bị, máy móc, công nghệ đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Việc xây dựng các khu xử lý CTR công nghiệp phải theo đúng quy hoạch chung đã được phê duyệt, đảm bảo các điều kiện về khoảng cách tới khu dân cư, có đầy đủ các công trình, biện pháp xử lý các loại chất thải phát sinh thứ cấp đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường. CTR công nghiệp phải được xử lý bằng các công nghệ phù hợp, đảm bảo xử lý chất thải hiệu quả, an toàn và thân thiện với môi trường, khuyến khích áp dụng công nghệ tiên tiến để xử lý triệt để chất thải, giảm thiểu khối lượng CTR phải chôn lấp.

Việc xử lý CTR y tế nguy hại thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý chất thải y tế được ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT ngày 30/11/2007 của Bộ Y tế. Việc xử lý CTR y tế thông thường được thực hiện như quy định đối với CTR công nghiệp.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.bacninh.gov.vn)

Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Ngày 07/4/2014, UBND tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Quy định này quy định trách nhiệm của các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Dương trong công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng; quy định trình tự, thủ tục và thẩm quyền thẩm tra thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng; quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong giải quyết sự cố công trình trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Về nguyên tắc chung trong quản lý chất lượng công trình xây dựng, Quy định này quy định: Công tác khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng công trình phải đảm bảo an toàn cho bản thân công trình và các công trình lân cận, đảm bảo an toàn trong quá trình thi công xây dựng và tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Công trình, hạng mục công trình chỉ được nghiệm thu để đưa vào sử dụng khi đáp ứng được các yêu cầu của thiết kế, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình, chỉ dẫn kỹ thuật và các yêu cầu khác của chủ đầu tư theo nội dung của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan. Tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc thực hiện, có hệ thống quản lý chất lượng và chịu trách nhiệm về chất lượng các công việc xây dựng do mình thực hiện trước chủ đầu tư và trước pháp luật. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức quản lý chất

lượng phù hợp với tính chất, quy mô và nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo quy định của Nghị định 15/2013/NĐ-CP, Thông tư 10/2013/TT-BXD, Thông tư 13/2013/TT-BXD ngày 15/8/2013 của Bộ Xây dựng Quy định thẩm tra, thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng công trình (sau đây gọi tắt là Thông tư 13/2013/TT-BXD) và Quy định này. Người quyết định đầu tư có trách nhiệm kiểm tra việc tổ chức thực hiện quản lý chất lượng công trình xây dựng của chủ đầu tư và các nhà thầu theo quy định của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý chất lượng của các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình, kiểm tra, giám định chất lượng công trình xây dựng, kiến nghị và xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

Theo Quy định này, Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh. Sở Xây dựng có trách nhiệm: Tham mưu UBND tỉnh thực hiện quy định tại Điều 44 Nghị định 15/2013/NĐ-CP; trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn; hướng dẫn UBND cấp huyện, cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia xây dựng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình

xây dựng trên địa bàn. Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành. Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, Thông tư 13/2013/TT-BXD và Khoản 1 Điều 19 của Quy định này.

Theo Quy định này, trình tự thẩm tra, thẩm tra lại thiết kế đối với công trình thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP được quy định như sau: Chủ đầu tư gửi 1 bộ hồ sơ theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp đến cơ quan có thẩm quyền. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm tra thiết kế, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và có văn bản thông báo một lần đến chủ đầu tư để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không đúng quy định). Thời gian bắt đầu thẩm tra thiết kế của cơ quan có thẩm quyền được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền thực hiện chỉ định tổ chức tư vấn, cá nhân thẩm tra thiết kế thì trình tự thực hiện như sau: Đối với công trình không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trong thời gian 5 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản và chuyển trả hồ sơ trình thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn các tổ chức có chức năng tư vấn thẩm tra thiết kế đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và có đủ điều kiện năng lực thẩm tra thiết kế phù hợp với loại và cấp công trình theo quy định của pháp luật để ký hợp đồng tư vấn thẩm tra. Đối với công trình sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn ngân sách nhà nước, công trình sử dụng vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, công trình đầu tư bằng vốn xây dựng cơ bản tập trung, công trình được đầu tư theo hình thức BT, BOT, BTO, PPP và những công trình đầu tư bằng những nguồn vốn hỗn hợp khác, trong thời gian 5 ngày làm việc,

cơ quan có thẩm quyền lựa chọn tổ chức có chức năng tư vấn thẩm tra thiết kế đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử Bộ Xây dựng và có đủ điều kiện năng lực thẩm tra thiết kế phù hợp với loại và cấp công trình theo quy định của pháp luật để chỉ định thẩm tra một phần hoặc toàn bộ các nội dung thẩm tra quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư 13/2013/TT-BXD và thông báo bằng văn bản đến chủ đầu tư và tổ chức tư vấn để ký hợp đồng tư vấn thẩm tra.

Về trình tự kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng, Quy định này nêu rõ: Đối với các công trình thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định 15/2013/NĐ-CP, sau khi khởi công chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo gửi theo phân cấp quy định tại Điều 22 của Quy định này các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư, tên công trình, địa điểm xây dựng, quy mô và tiến độ thi công dự kiến của công trình. Trước khi tổ chức nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng, chủ đầu tư phải gửi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 22 của Quy định này báo cáo hoàn thành hạng mục công trình hoặc hoàn thành công trình cùng danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải tiến hành kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc hoàn thành công trình. Nội dung kiểm tra phải được lập thành biên bản, chủ yếu tập trung vào sự tuân thủ các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo an toàn của công trình, bảo đảm công năng và an toàn vận hành của công trình theo thiết kế. Trong quá trình kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể yêu cầu chủ đầu tư và các nhà thầu giải trình, làm rõ về các nội dung được kiểm tra hoặc chỉ định tổ chức tư vấn thực hiện việc kiểm định các bộ phận, hạng mục công trình có biểu hiện

không đảm bảo chất lượng hoặc thiếu cơ sở đảm bảo chất lượng công trình theo yêu cầu của thiết kế. Cơ quan có thẩm quyền phải thông báo kết quả kiểm tra cho chủ đầu tư trong thời hạn 10 ngày làm việc đối với công trình cấp III, IV hoặc 15 ngày làm việc đối với công trình cấp II, kể từ ngày lập biên bản kiểm tra. Cơ quan có thẩm quyền được quyền yêu cầu các đơn vị sự nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có năng lực phù hợp tham gia thực hiện việc kiểm tra

công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. Chi phí cho việc kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng được lập dự toán và tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại
www.binhduong.gov.vn)

Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong việc xây dựng và kiểm tra thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch

Ngày 16/4/2014, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong việc xây dựng và kiểm tra thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Theo Quyết định này, các cơ quan phối hợp trong xây dựng và kiểm tra thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phải bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và bảo đảm chất lượng của các chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Thực hiện nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương trong việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm, hiệu quả trong việc giải quyết các công việc có liên quan. Nội dung chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phải liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp; bảo đảm tính khách quan trong quá trình phối hợp; bảo đảm yêu cầu về chuyên môn, chất lượng và tiến độ thời gian trong quá trình phối hợp; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động phối hợp, đề cao

trách nhiệm cá nhân của Thủ trưởng cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và cán bộ, công chức được tham gia phối hợp.

Cơ quan chủ trì quyết định việc áp dụng các phương thức phối hợp trong xây dựng và kiểm tra thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch theo các hình thức sau đây: Đối với việc tổ chức phối hợp trong công tác xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch được thực hiện theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản; tổ chức họp tư vấn liên ngành; yêu cầu các cơ quan phối hợp cung cấp những thông tin cần thiết theo yêu cầu của cơ quan chủ trì hoặc thông tin cho cơ quan phối hợp về những vấn đề, những nội dung cần phối hợp có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó. Đối với việc tổ chức phối hợp trong công tác kiểm tra thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sau khi đã có hiệu lực thi hành được thực hiện theo hình thức tổ chức thành Đoàn kiểm tra; lấy ý kiến cơ quan phối hợp hoặc cơ quan có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến những vấn đề và nội dung kiểm tra; làm việc trực tiếp với cơ quan được kiểm tra;

đề nghị cơ quan phối hợp hoặc cơ quan có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến những vấn đề và nội dung kiểm tra hoặc cơ quan được kiểm tra cung cấp những thông tin cần thiết và thẩm tra những thông tin đó; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Cơ quan chủ trì trong xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có nhiệm vụ xây dựng và chuẩn bị chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch theo kế hoạch được giao. Đồng thời xác định rõ những nhiệm vụ liên quan của các cơ quan phối hợp. Tổ chức các hoạt động phối hợp để hoàn thiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch theo kế hoạch và tiến độ thời gian. Yêu cầu các cơ quan phối hợp cử cán bộ để tham gia công tác phối hợp với các Sở, ban, ngành khác. Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan phối hợp và những điều kiện cần thiết khác bảo đảm thuận lợi cho công tác phối hợp. Tập hợp đầy đủ các tài liệu và tổ chức nghiên cứu, xây dựng báo cáo tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan phối hợp. Trình chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của cơ quan cho cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Lưu trữ hồ sơ, văn bản theo quy định của pháp luật. Báo cáo và giải trình với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tình hình phối hợp theo quy định của Quy chế này.

Các cơ quan phối hợp trong việc tham gia xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có nhiệm vụ tham gia các hoạt động phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan. Người đứng đầu cơ quan phối hợp phải có trách nhiệm tham gia trong công tác phối hợp hoặc cử người có thẩm quyền trách nhiệm để tham gia trong công tác phối hợp. Người được cơ quan cử tham gia phối hợp phải tuân thủ tiến độ thời gian về việc góp ý kiến đối với những vấn đề, nội dung theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và phải chịu trách nhiệm về chất lượng và tính nhất quán của các ý kiến trong

các hoạt động phối hợp của cơ quan mình. Cơ quan phối hợp có trách nhiệm cung cấp những thông tin, các số liệu, dữ liệu và phải chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin đó. Báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh khi cơ quan chủ trì không mời tham gia các hoạt động phối hợp có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; báo cáo giải trình với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tình hình phối hợp theo quy định của Quy chế này.

Theo Quy chế này, cơ quan chủ trì có thể lấy ý kiến về chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thông qua việc gửi dự thảo chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đến cơ quan phối hợp. Cơ quan chủ trì gửi dự thảo chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch cho cơ quan phối hợp và phải xác định những nội dung cần xin ý kiến đối với từng cơ quan phối hợp căn cứ vào nhiệm vụ phối hợp đã được nêu trong kế hoạch xây dựng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Tùy theo nội dung, tính chất của chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, cơ quan chủ trì có thể yêu cầu cơ quan phối hợp sửa trực tiếp vào chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, hoặc gửi công văn góp ý đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định. Cơ quan phối hợp phải chấp hành tiến độ thời gian trong việc tham gia ý kiến theo đề nghị của cơ quan chủ trì được quy định và chịu trách nhiệm ý kiến góp ý về những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan mình; nếu đồng ý hay có những việc cần chỉnh sửa thì phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp cơ quan chủ trì không tiếp thu ý kiến của cơ quan phối hợp thì phải giải thích lý do bằng văn bản cho cơ quan đó và chịu trách nhiệm về phương án của mình.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.baria-vungtau.gov.vn)

Nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế “Khảo sát, xây dựng chương trình đào tạo trung cấp chuyên nghiệp ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp”

Ngày 24/4/2014 tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu các kết quả của Dự án sự nghiệp kinh tế “Khảo sát, xây dựng chương trình đào tạo trung cấp chuyên nghiệp ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp” do Trường Trung cấp xây dựng số 4 thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường (Bộ Xây dựng) làm chủ tịch Hội đồng.

Báo cáo các kết quả của dự án, chủ nhiệm dự án Phạm Quốc Anh cho biết, thực hiện nhiệm vụ KHCN do Bộ Xây dựng giao, nhóm dự án đã tiến hành điều tra, khảo sát các chương trình đào tạo của 11 cơ sở đào tạo trung cấp chuyên nghiệp ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng, lấy phiếu thăm dò ý kiến các cán bộ quản lý cấp trường (khoa, bộ môn), các giảng viên trực tiếp giảng dạy, các cựu học sinh và các nhà tuyển dụng. Trên cơ sở các số liệu khảo sát thu thập được, nhóm dự án đã tiến hành phân tích số liệu, xây dựng chuẩn đầu ra của sinh viên tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp, trên cơ sở đó rà soát, đánh giá, xây dựng chương trình đào tạo mới dựa trên yêu cầu của thực tiễn công việc và chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, để kiến nghị ban hành áp dụng chung cho các trường trung cấp chuyên nghiệp ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng.

Theo các đánh giá của chuyên gia phản biện, nhóm dự án đã tiến hành nghiên cứu một cách công phu, khoa học, hoàn thành các nội dung đề ra của Dự án. Trên cơ sở kết quả khảo sát, Dự án đã xây dựng được chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng đối với sinh viên tốt nghiệp và ứng với các vị trí việc làm của sinh viên tốt



Toàn cảnh buổi họp nghiệm thu

nghiệp trung cấp xây dựng dân dụng và công nghiệp trong thực tế. Chương trình đào tạo do Dự án đề xuất đã có sự linh hoạt đáng kể, sát với thực tiễn, trong đó chú trọng nâng cao kỹ năng thực hành cho học viên (thời lượng thực hành chiếm 62,3%). Kết quả của dự án có tính khả thi cao và có thể áp dụng chung cho các trường trung cấp chuyên nghiệp của ngành Xây dựng. Bên cạnh những kết quả tốt đã đạt được, các chuyên gia của Hội đồng cũng đề nghị nhóm dự án cân nhắc nghiên cứu thêm thời lượng phù hợp của một số môn học để sát với chuẩn đầu ra và vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Phát biểu kết luận, TS. Nguyễn Trung Hòa - Chủ tịch Hội đồng ghi nhận những kết quả của Dự án và nhất trí với các ý kiến đánh giá cũng như góp ý của các thành viên Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng cũng đề nghị nhóm Dự án biên soạn lại phần thuyết minh để làm rõ sự cần thiết phải điều chỉnh chương trình đào tạo so với Thông tư số 16 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở phân tích kỹ các kết quả khảo sát thực tiễn, đồng thời, nhóm Dự án cũng cần bổ sung và làm đầy đủ về các công việc mà sinh viên tốt nghiệp trung cấp làm được, kèm theo là các yêu

cầu về kiến thức và kỹ năng cần thiết. Về chương trình đào tạo, cần rà soát lại từng học phần, thời lượng số tiết của từng môn, loại bỏ một số nội dung thiên về lý thuyết và tính toán mà vị trí công việc của người học sau này không cần, và tăng cường thêm số tiết học về cấu tạo các loại kết cấu, rèn luyện kỹ năng thực hành...

Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Trung Hòa cũng

đề nghị trường Trung cấp Xây dựng số 4 chỉ đạo nhóm Dự án hoàn thiện thuyết minh dự án theo các ý kiến của Hội đồng để trình Bộ Xây dựng.

Dự án đã được Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Minh Tuấn

Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Tp. Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 17/4/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh đã chủ trì cuộc họp thẩm định Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Tp. Hồ Chí Minh (QHXD) đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Cuộc họp có sự tham gia của ông Trần Quốc Khánh - Thứ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ; đại diện các Bộ: Quốc phòng, Công Thương, Tài chính, Văn hóa - Thể thao & Du lịch, Giáo dục & Đào tạo; đại diện Hội Quy hoạch phát triển đô thị; Ban chỉ đạo Quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội; lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng và đại diện lãnh đạo các tỉnh trong Vùng Tp. Hồ Chí Minh.

Theo báo cáo của Viện Quy hoạch Xây dựng miền Nam (Bộ Xây dựng) - đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch, Vùng Tp. Hồ Chí Minh bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính Tp. Hồ Chí Minh và 7 tỉnh xung quanh: Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang. Vùng có quy mô dân số hơn 18 triệu người, diện tích đất tự nhiên xấp xỉ 30,4 nghìn km². QHXD Vùng Tp. Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 20/5/2008. Qua hơn 6 năm thực hiện, Đồ án quy hoạch đã góp phần thúc đẩy phát triển toàn vùng về kinh tế, không gian các đô thị, hỗ trợ

các địa phương đẩy mạnh triển khai các dự án hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, tạo liên kết phát triển toàn Vùng. Bên cạnh đó, quy hoạch năm 2008 cũng thể hiện nhiều bất cập: Đồ án thiếu linh hoạt trong phát triển không gian đô thị; các giải pháp không gian chưa đáp ứng tốt yêu cầu biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; các vùng cảnh quan sinh thái nông nghiệp, vùng bảo tồn thiên nhiên chưa được quản lý và kiểm soát phát triển; việc đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng khung trong vùng còn triển khai chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Để khắc phục các hạn chế trong phát triển không gian Vùng và các tồn tại trong công tác thực hiện quy hoạch xây dựng Vùng, góp phần nâng cao vị thế của Vùng Tp. Hồ Chí Minh trên trường quốc tế cũng như khu vực Đông Nam Á và Đông Á, đáp ứng tốt mục tiêu kết nối với các chiến lược phát triển mới của quốc gia và các quy hoạch chuyên ngành cấp quốc gia... thì việc điều chỉnh QHXD Vùng Tp. Hồ Chí Minh là rất cấp thiết.

Trong báo cáo, đơn vị tư vấn đã cơ bản đánh giá được các tiềm năng và động lực phát triển Vùng, đề xuất các nội dung cần nghiên cứu điều chỉnh: phân tích các điều kiện tự nhiên, kèm theo đánh giá các tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, ngập lũ tại các địa phương Tiền Giang và Long An, và hệ



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì cuộc họp thẩm định

thống các đô thị ven biển ven sông Sài Gòn, sông Đồng Nai, sông Vàm Cỏ; đánh giá hiện trạng hạ tầng kỹ thuật của Vùng bao gồm khung giao thông kết nối với các vùng quốc gia và quốc tế, đặc biệt tới các cực phát triển trong Vùng như Vũng Tàu, Long Khánh, Chơn Thành, Mộc Bài, Mỹ Tho...; điều chỉnh phân bố các vùng chức năng (trong đó có điều chỉnh phân bố hệ thống và điểm dân cư nông thôn tập trung trên quan điểm liên kết mạng lưới đô thị trong vùng, tăng trưởng xanh và thích ứng biến đổi khí hậu; điều chỉnh phân bố các khu công nghiệp, công nghệ cao; điều chỉnh định hướng phân bố các vùng du lịch sinh thái, trên cơ sở phát huy tiềm năng về rừng cảnh quan như rừng ngập mặn Cần Giờ, rừng Nam Cát Tiên, rừng Lò Gò - Xa Mát, các khu bảo tồn thiên nhiên ở Bình Châu, Phước Bửu, vùng Đồng Tháp Mười, vườn Quốc gia Côn Đảo các không gian cảnh quan như hồ Dầu Tiếng, hồ Trị An...); điều chỉnh tổ chức không gian vùng; đánh giá môi trường chiến lược và xác định các chương trình ưu tiên đầu tư phát triển Vùng; ưu tiên phát triển hệ thống đường vành đai, các

trục hướng tâm để tăng cường kết nối giữa vùng trung tâm và các cực phát triển ngoại vi; ưu tiên phát triển hệ thống giao thông công cộng nhằm liên kết nội vùng và giảm áp lực cho vùng trung tâm; tăng cường năng lực giao thông thủy để thúc đẩy liên kết giữa Vùng Tp.Hồ Chí Minh và Vùng ĐBSCL.

Các thành viên tham dự cuộc họp đều thống nhất với sự cần thiết của nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch, đề nghị tư vấn nghiên cứu kỹ hơn tình hình thực hiện quy hoạch 2008, trên cơ sở đó xác định những nội dung nào cần phát huy, những nội dung nào không còn phù hợp, mang tính xung đột với quy hoạch cũ cần điều chỉnh lại. Tư vấn cần phân kỳ rõ ràng (5 năm, 10 năm, tầm nhìn ngắn hạn, trung hạn); bổ sung thêm dự báo đất đai, dân số, tiêu chuẩn - quy chuẩn áp dụng; kinh nghiệm nước ngoài. Mô hình quản lý phát triển Vùng cần lồng ghép đối tượng quản lý vào ngay trong quy hoạch.

Kết luận cuộc họp, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đồng tình với những đề xuất, đề nghị của các thành viên Hội đồng thẩm định, đồng thời yêu cầu tư vấn đánh giá việc triển khai quy hoạch Vùng ở cấp vùng chứ không phải là từng tỉnh trong Vùng, có xét tới những biến động kinh tế - xã hội của từng địa phương trong Vùng, nội dung đánh giá cần tổng hợp hơn. Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cũng yêu cầu lãnh đạo các tỉnh thuộc Vùng Tp. Hồ Chí Minh tích cực phối hợp với đơn vị tư vấn, tiến hành rà soát lại các quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành, cập nhật các thông tin để quy hoạch không bị chồng lấn, và đạt hiệu quả cao.

Lệ Minh

Hội nghị thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn (tỉnh Hà Giang) đến năm 2030

Ngày 15/4/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã

chủ trì cuộc họp thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu



Thủ trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì cuộc họp thẩm định

(CVĐCTC) Cao nguyên đá Đồng Văn - tỉnh Hà Giang đến năm 2030. Tham dự cuộc họp có đại diện lãnh đạo Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành liên quan; đại diện các Hội nghề nghiệp và các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng.

Theo báo cáo của Viện Quy hoạch đô thị & nông thôn quốc gia (Bộ Xây dựng) - đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ - cao nguyên đá Đồng Văn nói riêng, tỉnh Hà Giang nói chung là vùng đất địa đầu Tổ quốc, có vị trí địa chính trị đặc biệt quan trọng của quốc gia, là vùng chứa đựng nhiều giá trị về di sản địa chất, đa dạng sinh học, có nền văn hóa đậm đà bản sắc rất có ý nghĩa đối với quốc gia và quốc tế. Nằm ở khu vực trung tâm trên hành lang Quốc lộ 4, về phía đông liên kết với các tỉnh: Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, về phía tây liên kết với các tỉnh: Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, cao nguyên đá Đồng Văn có tiềm năng trở thành đầu mối phát triển du lịch khu vực miền núi Bắc bộ, nhất là sau sự kiện ngày 3/10/2010, khu vực này đã được UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu trong tổng số 91 công viên tại 27 quốc gia. Tuy nhiên, những năm qua, kinh tế của khu vực này nhìn chung chưa phát triển. 4 huyện: Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ vẫn trong diện nghèo, khó khăn nhất cả nước. Một trong những nguyên nhân khiến cho kinh tế xã hội của khu vực này chậm phát triển là do hệ thống kết cấu hạ tầng yếu kém, giao thông không thuận tiện, cơ sở vật chất phục vụ

du lịch chưa được đầu tư tương xứng để khai thác các thế mạnh và tiềm năng du lịch. Thực tiễn và yêu cầu phát triển đòi hỏi Trung ương và địa phương cần đầu tư xây dựng hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn, kết nối giao thông, cung cấp năng lượng, các cơ sở động lực phát triển kinh tế trên địa bàn, đặc biệt các trung tâm du lịch, khu, điểm du lịch. Trong bối cảnh đó, việc lập nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn là rất cần thiết, nhằm hoạch định chiến lược đầu tư xây dựng, đồng thời là một bước hiện thực hóa Quyết định số 310/QĐ-TTg ngày 7/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn giai đoạn 2012 - 2020, tầm nhìn 2030. Theo Quyết định này, Cao nguyên đá Đồng Văn được định hướng phát triển thành “khu du lịch quốc gia, đầu mối để thúc đẩy phát triển du lịch, từ đó phát triển kinh tế xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, đảm bảo an ninh quốc phòng và ổn định chính trị một cách bền vững cho toàn vùng Bắc bộ”.

Báo cáo của tư vấn đã nêu rõ 02 nội dung lớn của quy hoạch - xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, và xây dựng 04 đô thị du lịch Đồng Văn, Mèo Vạc, Quản Bạ, Yên Minh theo định hướng đã được phê duyệt trong Quyết định 310, đó là: đầu tư phát triển Trung tâm du lịch văn hóa lịch sử Đồng Văn (khu vực thị trấn Đồng Văn); đầu tư phát triển Trung tâm du lịch khoa học, mạo hiểm và thương mại cửa khẩu Mèo Vạc (khu vực thị trấn Mèo Vạc); đầu tư phát triển Trung tâm du lịch sinh thái đô thị xanh Yên Minh (khu vực thị trấn Yên Minh); đầu tư phát triển Trung tâm du lịch vui chơi giải trí Quản Bạ (khu vực thị trấn Tam Sơn, Quản Bạ). Tư vấn đã đưa ra các căn cứ pháp lý tương đối đầy đủ, phạm vi nghiên cứu quy hoạch rõ ràng, đầy đủ các đánh giá hiện trạng tổng hợp từ đó đề xuất các định

hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, định hướng phát triển không gian...

Các thành viên tham dự cuộc họp đều nhất trí với sự cần thiết của nhiệm vụ lập quy hoạch, góp ý tư vấn lập bản đồ 1:2000, bổ sung thêm các căn cứ pháp lý; phạm vi nghiên cứu có 04 huyện nên không gian có tính chất vùng liên huyện, cần thể hiện tính chất này rõ nét hơn trong báo cáo. Ngoài ra, đây là một trong những địa bàn đặc trưng của Việt Nam, nên vấn đề làm thế nào để vừa bảo tồn, vừa phát huy, vừa giữ gìn bản sắc của 17 dân tộc miền núi vô cùng độc đáo, vừa tạo được những điểm nhấn cho vùng đất giàu giá trị tự nhiên và giá trị nhân văn này - đó đều là những đề bài được các thành viên nêu ra và cùng tư vấn thảo luận trong cuộc họp. Vấn đề xác định cơ sở nguồn lực thực hiện để Đồ án có tính khả thi cũng được các thành viên hết sức quan tâm.

Tổng hợp các ý kiến của các thành viên của Hội đồng thẩm định, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đề nghị tư vấn tập trung nghiên cứu các nội dung chủ đạo trong Quy hoạch xây dựng Cao nguyên đá Đồng Văn - là công viên địa văn hóa, công viên địa sinh học, công viên khoa học địa chất; và lập quy hoạch xây dựng 04 đô thị du lịch với việc xác định rõ ràng tính chất từng khu vực, cần chú trọng kiến trúc truyền thống, cây xanh... trong mỗi đô thị du lịch. Đặc biệt, tư vấn cần đi sâu nghiên cứu, chắt lọc các giá trị văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc của Hà Giang để xây dựng thành công một đồ án tốt, phù hợp yêu cầu nhiệm vụ của tỉnh. Trong việc này, Thứ trưởng đề nghị Sở Xây dựng Hà Giang phối hợp với tư vấn hoàn chỉnh báo cáo để Bộ Xây dựng trình Thủ tướng phê duyệt.

Lê Minh

Hội thảo khởi động Dự án Xây dựng năng lực và hỗ trợ xây dựng kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực sản xuất xi măng tại Việt Nam

Ngày 24/4/2014, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng phối hợp với Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF) tổ chức Hội thảo khởi động Dự án Xây dựng năng lực và hỗ trợ xây dựng kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (NAMA) trong lĩnh vực sản xuất xi măng tại Việt Nam. Hội thảo có sự tham gia của đông đảo đại diện các Bộ ngành TW, các tổ chức và cơ quan liên quan, lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện chức năng thuộc Bộ Xây dựng.

Tới dự và phát biểu khai mạc Hội thảo, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam cho biết: Công nghiệp xi măng có vai trò và vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân của Việt Nam, với tỷ trọng đóng góp cho ngân sách Nhà nước khoảng 4 - 4,5 triệu USD trên mỗi triệu tấn sản phẩm, góp phần làm tăng trưởng nhanh tổng sản phẩm xã hội. Tuy nhiên, sản xuất xi



Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam phát biểu khai mạc Hội thảo

măng cũng là ngành tiêu thụ nhiều năng lượng và được đánh giá là một nguồn phát thải khí nhà kính lớn: riêng năm 2013 ước tính ngành xi măng Việt Nam thải ra môi trường xấp xỉ 57 triệu tấn CO₂. Nhằm hiện thực hóa Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi

khí hậu giai đoạn 2012 - 2015 và Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Bộ Xây dựng được Chính phủ giao nhiệm vụ là cơ quan chủ trì triển khai dự án "Xây dựng năng lực và hỗ trợ xây dựng kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực sản xuất xi măng tại Việt Nam" do NDF tài trợ. Hội thảo Khởi động dự án này được tổ chức với mục đích nhằm chính thức thông báo với các Bộ, ngành, đơn vị có liên quan, các tổ chức quốc tế những nội dung cơ bản nhất của Dự án, đồng thời tham vấn các bên liên quan để chuẩn bị cho việc triển khai các hoạt động của Dự án trong thời gian tới. Cũng nhân dịp này, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đã trân trọng cảm ơn Quỹ Phát triển Bắc Âu, các Bộ: Tài nguyên Môi trường, Tài Chính, Kế hoạch & Đầu tư, Khoa học Công nghệ đã hỗ trợ và hợp tác chặt chẽ với Bộ Xây dựng trong suốt quá trình chuẩn bị và phê duyệt Dự án.

Giới thiệu tổng quan về Dự án và kế hoạch thực hiện, ông Morten Pedersen - Cố vấn trưởng của Dự án cho biết: Dự án dự kiến sẽ được thực hiện trong 2 năm, với mục tiêu dài hạn nhằm tăng cường năng lực cho Việt Nam trong việc phát triển và thực hiện Kế hoạch hành động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp điều kiện quốc gia, đồng thời mang lại lợi ích cho đất nước. Mục tiêu trung hạn của Dự án là giúp Việt Nam chuẩn bị và thực hiện NAMA quy mô lớn trong ngành công nghiệp xi măng, thu hút nguồn tài chính quốc tế cũng như nội địa, thông qua thị trường cacbon và các cơ chế hỗ trợ khác. Dự án sẽ gồm 03 hợp phần chính: giai đoạn thiết kế cần thu thập dữ liệu mới nhất về tiềm năng giảm phát thải, xây dựng năng lực phát triển kế hoạch giảm phát thải đường cơ sở. Ở giai đoạn tham vấn, cần xác định rào cản đối với hành động giảm nhẹ và đưa ra đề xuất giải quyết, xác định các công cụ hỗ trợ phù hợp đối với hành động giảm nhẹ, tổ chức thực hiện, xây dựng năng lực và đào tạo. Trong giai đoạn cuối - giai đoạn sẵn sàng, cần xây dựng được bản đề



Toàn cảnh Hội thảo

xuất NAMA cụ thể. Ông Morten Pederson cũng giới thiệu các bên có lợi ích liên quan, thành phần chuyên gia và nhóm thực hiện Dự án.

Về xu hướng tận dụng nhiệt phát thải trong quá trình sản xuất xi măng, tiến tới coi đây là nguồn tài nguyên năng lượng có thể ứng dụng vào các ngành sản xuất khác, ông Hoàng Hữu Tân - Phó Vụ trưởng Vụ Vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng cho biết: năm 2013 cả nước có 71 dây chuyền sản xuất xi măng lò quay đang sử dụng một phần nhiệt thừa để sấy nguyên liệu và nhiên liệu. Một số nhà máy đã sử dụng nhiệt thừa khí thải để sản xuất điện nhằm giảm chi phí điện năng, giảm phát thải khí và bụi, như các dây chuyền xi măng Công Thanh 1, Kiên Giang 1, Holcim. Riêng dây chuyền xi măng Holcim còn kết hợp xử lý và tận dụng phế thải công nghiệp của các ngành công nghiệp giầy da, may mặc để làm nhiên liệu bổ sung cho sản xuất xi măng, mang lại hiệu quả kinh tế cao, đồng thời rất có ý nghĩa đối với vấn đề xử lý môi trường. Theo ông Tân, xu hướng này hoàn toàn phù hợp Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 29/8/2011 tại Quyết định 1488/QĐ-TTg; trong đó nêu rõ: phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa và phát triển bền vững, có công nghệ tiên tiến, sản phẩm đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường, tiết

kiệm nguyên nhiên liệu và tiêu hao năng lượng thấp, bảo vệ môi trường cảnh quan thiên nhiên. Để đạt mục tiêu trên đây, các nhà máy phải đạt các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật về tiêu hao nhiệt năng, tiêu hao điện năng, nồng độ bụi phát thải (tối đa 30mg/Nm³). Các nhà máy xi măng và dự án xi măng cần triển khai sử dụng nhiệt thừa khí thải để sản xuất điện, giảm chi phí điện năng, bảo vệ môi trường. Đối với các nhà máy xi măng lò đứng đến cuối năm 2015 hoàn thành chuyển đổi công nghệ sản xuất xi măng sang lò quay.

Tại Hội thảo, các đại biểu cũng đã nghe và cùng trao đổi thảo luận về các giải pháp phát

triển bền vững/cacbon thấp tại các nhà máy trực thuộc VICEM Hà Tiên, Holcim Việt Nam; các ví dụ về thiết lập hệ thống đo kiểm - báo cáo - thẩm tra (MRV) trong một NAMA... và một số giải pháp khác, tất cả nhằm một mục tiêu để ngành công nghiệp xi măng phát triển ổn định, thân thiện với môi trường, đổi mới công nghệ theo hướng tăng trưởng xanh và cacbon thấp. Đây cũng chính là mục tiêu Dự án của Bộ Xây dựng và NDF trong lĩnh vực sản xuất xi măng của Việt Nam.

Lê Minh

Tiềm năng kiến trúc không gian mái của các tòa nhà cao tầng

Tiến trình đô thị hóa hiện nay đang làm môi trường sinh thái bị suy giảm chất lượng, đất đai khan hiếm dần, không gian nghỉ ngơi thiếu, các vấn đề về giao thông ngày càng trầm trọng, và hệ quả tất yếu là gây ảnh hưởng tiêu cực tới sức khỏe con người cũng như mức tiện nghi sống.

Chất lượng sống tại các siêu đô thị hiện đại liên tục được nâng cao, đây là một tiêu chí xác định mức phát triển của xã hội. Mặt trái của tiến trình này là con người ngày càng xa rời khỏi môi trường thiên nhiên để sống trong môi trường nhân tạo - một môi trường thay thế cảnh quan tự nhiên và có thể gây ra những đổi thay bất lợi đối với sức khỏe và cơ thể của chính con người.

Tại các thành phố lớn, vấn đề bù đắp sự thiếu hụt các yếu tố chủ đạo của môi trường tự nhiên như nước, không khí, thực vật, đất... rất cấp thiết. Một trong những hướng giải quyết các bài toán nêu trên là tận dụng mái nhà thông qua việc cải tạo các mái thành không gian đa năng trên các tòa nhà / công trình. Sự cần thiết sử dụng không gian mái xuất phát từ những lý do sau:

- Vấn đề đất đai của quá trình đô thị hóa;
- Sự phát triển xây dựng đa mức, trong đó



không gian mái được coi là một yếu tố cấu thành hệ thống thiết kế đô thị;

- Sự gia tăng nhu cầu về không gian nghỉ ngơi gần nơi sinh sống của người dân;
- Các yêu cầu đối với chất lượng công trình được nâng cao;
- Sự cần thiết cải thiện tiện nghi về mặt sinh thái cho người dân.

Cơ sở để nghiên cứu xu hướng tận dụng không gian mái trong kiến trúc - thiết kế chính là ý tưởng hình thành những không gian mới cho sinh hoạt cộng đồng, thông qua việc tổ chức cơ cấu đô thị đa năng - đa mức, nhằm hình thành hạ tầng không gian đô thị hoàn chỉnh.

Xây dựng các tòa nhà cao tầng đồng nghĩa

với việc tạo ra những mái nhà lớn. Trên các mái - tùy thuộc vào vị trí của chúng trong không gian đô thị và tùy thuộc vào kết cấu tòa nhà, vào các chức năng xã hội, tính thẩm mỹ, nghệ thuật và kết cấu của cả ngôi nhà - có thể bố trí các công trình phục vụ nghỉ ngơi, giải trí, thể thao, các hạng mục xanh (vườn), công trình giao thông (sân bay trực thăng, bến xe), công trình sản xuất (các thiết bị năng lượng để tận dụng ánh sáng mặt trời, năng lượng gió), các công trình phục vụ hoạt động văn hóa - giáo dục (các phòng triển lãm ngoài trời và triển lãm trong nhà, xưởng vẽ, sàn nhảy...).

Có thể phân loại tính chất sử dụng không gian mái trong phạm vi rộng hay hẹp. Trong phạm vi rộng, mái nhà được sử dụng một cách đa năng, là nơi tập trung các không gian và các diện tích xanh dành cho vui chơi thể thao, nghỉ ngơi và các mục đích khác. Trong phạm vi hẹp, số người tham gia sử dụng mái nhà bị hạn chế, và mái nhà đơn thuần là “mái nhà xanh”, được ứng dụng các lớp thực vật và đất phủ, tức là mái nhà hoàn toàn thực hiện chức năng sinh thái và thẩm mỹ. Trong số đó có các “mái nhà - vườn rau” chỉ người có nhiệm vụ mới được lên.

“Mái nhà xanh” có nhiều ưu điểm, nó bảo vệ tẩm mái khỏi các tác động trực tiếp của tia cực tím và các tác động cơ học khác; ngăn bụi và các chất độc hại từ không khí; sản xuất lượng ô xy bổ sung; giảm chi phí điều hòa không khí về mùa hè, và chi phí sưởi ấm vào mùa đông; nâng cao mức chống ồn của các tầng trên cao; cải thiện tính thẩm mỹ của tòa nhà / công trình.

Tại nhiều nước trên thế giới, việc tận dụng không gian mái rất được quan tâm. Tại Mỹ, Pháp, Nhật, Đức, Ý, Anh..., không gian các mái nhà ở, công trình công cộng, công trình công nghiệp từ nhiều thập kỷ qua được sử dụng như một trong những giải pháp kiến trúc hữu hiệu trong thiết kế các tòa nhà / công trình. Đặc biệt, các mái nhà được sử dụng rộng rãi để thiết kế các hạng mục kiến trúc cảnh quan như sân vườn, bể bơi...

Không gian mái của khách sạn Jule (Dallas - Mỹ) được tận dụng khá thú vị. Kiến trúc nổi bật là khu bể bơi, và cũng là ý tưởng tuyệt vời khi ở độ cao như vậy, các kiến trúc sư đã đưa ra giải pháp về một không gian nghỉ ngơi – thư giãn với các quán bar - café thiết kế đẹp mắt.

Bể bơi trên mái của tổ hợp Marina Bay Sand (Singapore) có chiều dài tới 150m. Kết cấu khác lạ của thành bể cho phép tổ chức một không gian nước tuyệt vời tạo ấn tượng dòng nước đổ từ những bức tường xuống khoảng không bất tận phía dưới.

Bên cạnh kinh nghiệm tận dụng hiệu quả không gian mái của các tòa nhà/công trình cao tầng, tại các nước cũng có các điều luật quy định rõ: mái cần bù lại cho những diện tích đất xây dựng đã mất trong quá trình thi công tòa nhà/công trình đó - những khu đất có thể xây sân chơi trẻ em hay sân tập thể thao, vườn...

Các điều kiện khí hậu tại nhiều quốc gia thuận lợi hơn Nga để thiết lập những không gian xanh mở ngoài trời, và các kết cấu bao che. Vấn đề tận dụng không gian mái tại các quốc gia luôn hiện hữu trong các giải pháp kết cấu, các kinh nghiệm tích cực về sử dụng không gian mái; xu hướng mở rộng các chức năng không gian mái một cách hiệu quả và bền vững cũng rõ ràng hơn.

Tại Nga, kinh nghiệm thiết kế và xây dựng mái cho các tòa nhà cao tầng, các công trình công cộng đã có, tuy nhiên, đó mới chỉ là những dự án thử nghiệm.

Có thể lấy sân tập thể thao trên mái các gara được xây dựng từ những năm 50 thế kỷ XX tại Moskva làm ví dụ. Năm 1977 trên phố Nametkina của Thủ đô, trên mái một gara ngầm trong tổ hợp nhà, một phố đi bộ với những quảng trường nhỏ để nghỉ ngơi thư giãn đã được thiết kế.

Đầu thế kỷ XXI tại Moskva và toàn Nga nói chung, các thiết kế nhà ở cao tầng với không gian mái được tận dụng đã trở nên phổ biến. Không gian mái là giải pháp rất hợp lý đối với

các chủ hộ ở những tầng cao hoặc tầng áp mái, và nhiều khi đối với cư dân trong cả tòa nhà.

Ví dụ điển hình của các tòa nhà có không gian mái được sử dụng là tòa cao ốc Toris (Moskva). Trên tầng thượng của tòa nhà có cả một sân quần vợt. Tòa cao ốc số 2 trên phố Novomikhailovskaya có các đỉnh ở nhiều mức khác nhau, và trên đó các nhà thiết kế đã bố trí các phòng kính triển lãm nghệ thuật. Trên mái tòa cao ốc nhiều đơn nguyên trên phố Krasnoistudent có các phòng tập thể thao và các xưởng nghệ thuật, quảng trường nhỏ để ngắm cảnh. Từ cuối thế kỷ XX, nhu cầu thiết kế tòa nhà/công trình cao tầng với không gian mái được tận dụng tăng mạnh tại Nga, góp phần đẩy mạnh việc nghiên cứu lĩnh vực này.

Năm 1995, Viện Thiết kế Moskva đã nghiên cứu soạn thảo “Hướng dẫn thiết kế vườn trên nền nhân tạo”, và năm 2000 - “Hướng dẫn thiết kế mái xanh cho các tòa nhà ở và công trình công cộng”.

Tuy nhiên, so với các quốc gia Âu - Mỹ khác, việc tận dụng không gian mái tại Nga vẫn còn tụt hậu - vấn đề này phát sinh từ khâu thiết kế và xây dựng, đặc biệt là việc bố trí khung thiên nhiên sinh thái trong xây dựng đô thị.

Để lựa chọn và đánh giá vị trí bố trí khung thiên nhiên sinh thái, cần biết tận dụng các lợi thế trong việc bố trí những công trình như vậy trong thành phố, theo nguyên tắc an toàn sinh thái, trong đó việc bố trí khung sinh thái trong cơ cấu của một thành phố được quy định có tính tới bản đồ sinh thái của thành phố, hướng gió, cũng như một loạt các yêu cầu thiết kế đô thị khác (độ phơi sáng, chiếu sáng, các điều kiện hữu hình của khung thiên nhiên sinh thái). Các yêu cầu tâm lý thể chất, yêu cầu vệ sinh và những yêu cầu khác đối với việc bố trí khung sinh thái đều có ảnh hưởng tới an toàn sinh thái (chiều cao vị trí các công trình thuộc khung sinh thái so với mặt đất, khả năng chống ồn...).

Rào cản đối với việc sử dụng không gian mái chính là giải pháp kết cấu của mái. Vài năm

trước đây, Cục quản lý thiên nhiên Moskva đã đề nghị lập danh sách các công trình xây dựng có phần mái có thể ứng dụng phủ xanh. Không có một công trình nào đáp ứng được tiêu chí này. Điều này cho thấy: khung thiên nhiên sinh thái, trong đó bao gồm cả việc phủ xanh, có thể được thực hiện trong các tòa nhà có phần mái được thiết kế ngay từ đầu để chịu mức tải lớn.

Mức tải phụ trội trên mái tùy thuộc vào các loại thực vật. Đối với các loài thực vật khác nhau, yêu cầu về độ dày thảm thực vật cũng khác nhau. Để nhanh chóng phủ xanh khung thiên nhiên sinh thái, mức tải phụ trội lên các kết cấu của tòa nhà (gồm có: khối lượng thực vật, đất phủ trong trạng thái ẩm, tải trọng băng tuyết, khối lượng của các cơ chế hoạt động của vườn) đều có ý nghĩa quan trọng. Bản thân mái nhà là một kết cấu nhiều lớp kèm thiết bị kỹ thuật - hệ thống thoát nước, tưới nước. Mái nhà bằng phẳng có độ dốc không lớn hơn 2% để đảm bảo việc thoát nước từ bề mặt mái. Kết cấu lớp phủ của các mái nhà được tận dụng có độ dốc không lớn - đó là mái thông gió và đảo nhiệt: lớp giữ nhiệt không phải nằm dưới mà ở trên lớp chống thấm. Các vật liệu không hút ẩm như bọt polystirol thường được ứng dụng để giữ nhiệt. Phía trên, một lớp sỏi sẽ được phủ lên. Kết cấu này sẽ bảo vệ lớp chống thấm không bị hư tổn trước thời hạn.

Các hệ thống kết cấu mái - trong đó có cả kết cấu mái dành cho các điều kiện khí hậu khác nhau của Nga - đã được nghiên cứu. Kinh nghiệm khai thác những công trình cao tầng có không gian mái được tận dụng đã chứng minh cho các lợi ích xã hội và kinh tế của chính những công trình này.

Trên mái của các tòa nhà cao tầng, thực vật sinh sống trong các điều kiện phi tự nhiên. Sự thay đổi nhiệt độ của không khí bên ngoài, những ảnh hưởng bất lợi của gió khiến quá trình bay hơi ẩm trên bề mặt thực vật càng diễn ra nhanh, tất cả những điều này khiến nhiệt độ của thực vật giảm xuống và có ảnh hưởng

không tốt tới sự trưởng thành của chúng. Để thiết lập môi trường thuận lợi cho thực vật, cần nghiên cứu các kết cấu khác nhau của màn chống nắng và màn chống gió, quy hoạch hợp lý không gian mái và lựa chọn một số loài thực vật nhất định. Một trong những biện pháp cản gió có thể áp dụng là bố trí các bụi cây theo chu vi của khung thiên nhiên sinh thái.

Các khu vực với chức năng khác nhau có những cơ chế khai thác riêng của mình, vừa cần hình thành một không gian thống nhất có liên hệ nội bộ chặt chẽ, vừa phải đảm bảo tính cách nhiệt, cách âm giữa các khu vực với nhau. Điều này có thể đạt được nhờ các giải pháp quy hoạch - kiến trúc như sau: sử dụng màn chống thấm hoặc vách ngăn có tính trang trí, thiết lập những bề mặt không bằng nhau, mô phỏng cảnh quan thiên nhiên, thực vật ... Chất lượng vùng tiểu khí hậu của vườn trên mái trực tiếp ảnh hưởng tới môi trường sinh thái xung quanh cũng như tiện nghi sống cho con người sẽ tùy thuộc rất nhiều vào chủng loại thực vật được lựa chọn, và quy trình sống của các loài thực vật đó.

Cách đây không lâu, một căn hộ càng ở tầng càng cao có giá càng giảm. Các tầng từ 3 đến 9 được coi là tiện nghi nhất để sinh hoạt. Hiện nay, với khả năng sử dụng tầng kỹ thuật và mái, giá thành các căn hộ có diện tích như nhau sẽ gia tăng tỷ lệ với sự gia tăng chiều cao

vị trí các căn hộ đó so với mặt đất.

Các kết cấu của khung thiên nhiên sinh thái tuy đắt tiền hơn các mái bằng, song có những mặt tích cực không thể phủ nhận; đó là: bổ sung thêm diện tích một cách hữu ích; cải thiện môi trường sinh thái trong khu vực xây dựng; nâng cao chất lượng thẩm mỹ của không gian kiến trúc, qua đó nâng cao mức tiện nghi sống cho mọi người.

Cư dân trong những chung cư cao tầng luôn mong muốn có những diện tích bổ sung để mở rộng không gian sống. Đầu thế kỷ XXI, tại Đức, Phần Lan, dân cư đã thiết kế thử nghiệm vườn rau trên mái nhà - người dân mang đất lên, đánh luống, trồng rau; một số người khác lại tận dụng mái nhà làm sân phơi. Nhiệm vụ của các nhà thiết kế cũng như chủ đầu tư là ngay từ giai đoạn đầu thiết kế cần xem xét thấu đáo mọi khả năng thiết kế các mái nhà để có thể tận dụng, đồng thời nghiên cứu các giải pháp phù hợp để có thể ứng dụng rộng rãi các tòa nhà/ công trình có không gian mái được tận dụng vào thực tế cuộc sống.

B.S.Istomin

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng nhà ở Nga
tháng 10/2013*

ND: Lê Minh

Tấm lợp xi măng amiăng - một loại vật liệu xây dựng quý

Năm 1997, Hiệp hội amiăng (crizotil) được thành lập theo sáng kiến của Tổ hợp khai thác amiăng vùng Uran (Nga), với sự tham gia của tổ hợp khai thác amiăng và 3 nhà máy có nhu cầu tiêu thụ amiăng. Tại Liên Xô trước đây cũng như trên khắp thế giới, ngành công nghiệp sản xuất tấm lợp xi măng amiăng luôn là ngành có nhu cầu tiêu thụ amiăng nhiều nhất. Hiện nay tại Nga, đây vẫn là ngành dẫn đầu trên thị

trường về tiêu thụ amiăng. Và tấm lợp xi măng amiăng luôn được công nhận là loại vật liệu có tuổi thọ cao.

Tấm lợp fibro xi măng là một vật liệu khá đặc biệt được bắt đầu nghiên cứu từ đầu thế kỷ XX, công nghệ sản xuất bắt nguồn từ sản xuất giấy, khác là các sợi giấy được thay thế bằng sợi amiăng, còn cao lanh được thay thế bằng xi măng. Amiăng là nguyên liệu khoáng tự nhiên

để sản xuất tấm lợp xi măng amiăng. Kỹ sư người Tiệp Khắc Liudvik Gatchek trong lần sản xuất thử đầu tiên đã cho ra lò những tấm xi măng mỏng kích thước 400 x 400 mm, bề dày 4 mm và gọi đó là tấm fibro xi măng. Các tấm này đã được sản xuất đại trà vào cuối những năm 1920 của thế kỷ trước. Trong thành phần tấm lợp xi măng có xấp xỉ 10% sợi amiăng, độ bền uốn hơn 160 kgc/cm², bởi vì cứ mỗi 7 - 9 lớp của sản phẩm lại được các sợi amiăng mảnh mai, có tính bám dính lớn xuyên qua.

Tại Nga, những tấm fibro xi măng đầu tiên được sản xuất từ hơn 80 năm trước tại làng Branshin. Tại đây, theo lệnh của Nga Hoàng Niholai Đệ Nhị, năm 1908 nhà máy sản xuất tấm fibro xi măng đầu tiên đã được xây dựng.

Từ đó, đối với Nga, tấm fibro xi măng trở thành loại vật liệu chuyên dụng làm mái nhà, sau rơm và ván lợp. Tại nhiều nước trên thế giới, các đường ống dẫn nước bằng xi măng amiăng từ những năm 30 của thế kỷ trước vẫn đang được sử dụng. Những hậu quả nặng nề của chiến tranh thế giới lần thứ hai đã phần nào được khắc phục nhờ có các tấm và ống fibro xi măng, và tất cả những điều này có được nhờ những đặc tính kỹ thuật cao của xi măng amiăng bảo đảm trong các tấm luôn có các sợi amiăng với các tính chất tuyệt vời.

Tấm fibro xi măng không bắt lửa, khi có hỏa hoạn không thải ra các chất độc hại, không thấm nước, không bị phá hủy bởi sự thay đổi nhiệt độ cũng như độ ẩm, bền với kiềm xút và axit ăn mòn, không bị gỉ sét và mục nát, chỉ số dẫn nhiệt và truyền âm đều thấp, không dẫn điện. Hơn nữa, các sản phẩm từ tấm fibro xi măng không độc hại, lại có giá thành thấp hơn từ 1,5 - 4 lần so với phần lớn các loại vật liệu làm mái khác như ngói kim loại, ngói sét nung, ngói polyme, tấm xi măng cát. Phương pháp lắp ghép các tấm fibro xi măng cũng khá đơn giản.

Nhược điểm của tấm fibro xi măng là giòn, dễ vỡ, khối lượng tương đối lớn, song đây cũng là tính chất chung của nhiều loại vật liệu khác.

Nếu được sản xuất và lắp đặt đúng cách, các tấm fibro xi măng có thể nằm trên mái lâu hơn nửa thế kỷ. Cường độ cao và các đặc tính biến dạng thấp của sản phẩm bảo đảm độ bền rất cao khi phải chịu tải trọng lớn của băng tuyết.

Các quốc gia Tây Âu không có các mỏ amiăng với quy mô khai thác công nghiệp. Bên cạnh đó, việc sản xuất sợi hóa học và các chế phẩm có thành phần từ nhựa bi tum và các chất kết dính nhân tạo rất phát triển tại các nước này. Song tất cả các chế phẩm này đều kém xi măng amiăng về chất lượng và giá cả, và có những tính chất độc hại. Còn trên thực tế, xi măng amiăng có độc hại như nhiều người thường nghĩ hay không?

Điều này có liên quan tới việc có trong xi măng amiăng các sợi amiăng - loại nguyên liệu bị cấm sử dụng tại Mỹ vào cuối những năm 70. Trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, các tàu quân sự được đưa về sửa chữa trên đà tại bờ biển nước Mỹ. Ở vỏ tàu bị đạn đại bác găm thủng, amiăng được đổ đầy vào và được sử dụng như vật liệu giữ nhiệt. Sau sửa chữa, amiăng khô lại được tiếp tục đổ vào bằng tay. Từ năm 1939 đến năm 1945, các công việc này được thực hiện trong điều kiện lao động khắc nghiệt, môi trường bụi bặm, cộng thêm việc thiếu phương tiện bảo hộ lao động nên công nhân thường hít phải amiăng. Tất cả những điều trên - theo những nghiên cứu của ngành y tế sau đó - dẫn đến hệ quả là vào những năm 60 - 70, căn bệnh ung thư đã xuất hiện ở những người thợ sửa chữa tàu năm nào. Năm 1978, Mỹ đã ban hành đạo luật nghiêm cấm sử dụng amiăng trong tất cả các công nghệ và các loại vật liệu.

Về thành phần hóa học, trong amiăng không có bất kỳ một chất độc hại nào, nó chỉ được cấu tạo hoàn toàn từ các ion silic, magie và ôxi. Luận cứ để Mỹ cấm sử dụng amiăng chính là trong các sợi amiăng người ta tìm thấy có các chất gây ung thư. Bên cạnh đó, giống như những chất độc hại khác, các tác động có

hại của amiăng chỉ xuất hiện khi mức tải bụi vượt quá ngưỡng nồng độ cho phép. Trên thực tế amiăng đứng thứ 119/260 trong danh mục các chất gây ung thư.

Xi măng amiăng được sản xuất tại hơn 60 quốc gia trên thế giới. Cần phân biệt 2 loại amiăng - amiăng amfibon (amiăng xám, xanh) bị cấm, và amiăng crizotil (amiăng trắng) đang được sử dụng rộng rãi. Amiăng amfibon khác với amiăng crizotil ở chỗ sợi dài hơn, cứng hơn, bền hơn với axit, và chúng sẽ rất khó hòa nhập vào trong các bộ phận cơ thể. Chính những sợi amiăng amfibon được khai thác tại Nam Phi đã được ứng dụng rất nhiều để sửa chữa các tàu quân sự tại Mỹ trong thời kỳ thế chiến II.

Tại Liên Xô trước đây, amiăng crizotil thường xuyên được sử dụng. Còn các sợi hóa học thì sao? Các nghiên cứu trong lĩnh vực y tế đều cho thấy: tất cả các vật liệu dạng sợi đều để lại hệ quả không tốt. Ngoài ra, sợi nằm trong các cơ quan nội tạng của con người càng lâu thì càng có hại. Theo các nghiên cứu của nhiều chuyên gia quốc tế, amiăng crizotil có thời gian phân đôi sợi trong cơ thể người là 14 ngày; còn amiăng amfibon tới tận 466 ngày. Điều này đã lý giải tính chất độc hại của amiăng amfibon. Các tấm fibro xi măng từ amiăng crizotil đều được gọi là xi măng crizotil. Cũng như tất cả các vật liệu sinh ra bụi khác, công tác với xi măng crizotil cần được bảo hộ lao động phù hợp.

Tiếp theo sau Mỹ, châu Âu cũng bắt đầu cấm sử dụng amiăng nhằm bảo vệ lợi ích của các nhà sản xuất vật liệu hóa học trên cơ sở các sợi nhân tạo.

Trong bối cảnh đó, tấm fibro xi măng không hoàn toàn bị cấm. Như trên đã nói, vật liệu này có mặt tại hơn 60 quốc gia trên thế giới. Những quốc gia có mỏ amiăng là những nước đầu tiên khuyến khích sử dụng vật liệu này - Canada, Nam Mỹ, châu Phi, Liên Xô (hiện nay là các nước SNG), và tại khu vực Đông Nam Á. Và thực tế cho thấy: tại các nước có mỏ amiăng và ứng dụng amiăng để chế tạo các sản phẩm

khác nhau, mức độ mắc bệnh ung thư ở những người thường tiếp xúc với amiăng không hề cao hơn những nơi khác. Cũng không có trường hợp tuổi thọ thấp ở những người sống trong khu vực khai thác và ứng dụng amiăng.

Các nhà khoa học đã khẳng định rằng một lượng lớn sợi amiăng tồn tại ở khắp nơi: trong mỗi chai nước khoáng được khai thác xa các mỏ amiăng, trong từng m² đất, trong tất cả các tầng khí quyển, thậm chí trong những núi băng khổng lồ tồn tại hàng chục triệu năm nay tại vùng Bắc cực. Con người từ bao lâu nay đã sống với các sợi này, và chúng không hề gây hại.

Năm 2010, các thí nghiệm do chính tác giả bài báo và các cộng sự tiến hành đã chứng minh một điều rất đơn giản: sợi amiăng hơn nữa dưới dạng nguyên thủy - không thể phân tách từ xi măng amiăng trong quá trình khai thác. Độ dày của các tấm fibro xi măng được dỡ ra từ các mái nhà sau một thời gian sử dụng rất dài (từ 30 đến 60 năm) tại các công trình không hề bị biến đổi; các chỉ số cơ lý đều trong khung quy định của các tiêu chuẩn và quy chuẩn cho loại sản phẩm này.

Các nhà nghiên cứu Tây Âu khi kiểm tra môi trường xung quanh đã “phát hiện” sợi amiăng tại hầu khắp lãnh thổ châu Âu; các sợi này đều có nguồn gốc từ các chế phẩm có thành phần amiăng. Họ tính toán số lượng sợi trong các mẫu bụi qua kính hiển vi phóng đại 480 lần. Với độ phóng to như vậy, không thể đồng nhất các sợi; qua đó không thể khẳng định rằng các sợi trong mẫu bụi có liên quan tới amiăng.

Các nhà khoa học các nước Nga, Ucraina, Belarusia và Kazakhsatan đã tiến hành những nghiên cứu về ảnh hưởng của sợi amiăng đối với động vật, các tính chất của nước chảy trong các đường ống bằng xi măng amiăng, không khí, thiết lập những điều kiện an toàn tại những nơi có thể gây bụi từ các sợi amiăng. Tất cả những nỗ lực này nhằm đưa ra những khuyến cáo có cơ sở khoa học trong vấn đề duy trì amiăng và các sản phẩm xi măng amiăng. Trên

khắp thế giới hiện nay, các mái nhà, các ống dẫn nước và ống dẫn nhiệt, tấm ốp tường, hệ thống tưới tiêu bằng xi măng amiăng khá phổ biến và có tuổi thọ rất cao. Nhiều sản phẩm trong số đó đã được xây dựng từ đầu thế kỷ trước. Và cho dù có nhiều ý kiến phản đối việc sử dụng amiăng - sự phản đối đã làm sụt giảm sản lượng các tấm fibro xi măng trong thời gian gần đây - song tại nhiều quốc gia trong đó có

Nga và các nước SNG, những thành tựu trong việc ứng dụng xi măng amiăng trong các lĩnh vực mới, trong đó có sản xuất vật liệu xây dựng, là không thể phủ nhận.

Svetlana M.N.

*Nguồn: Tạp chí Quỹ đạo Xây dựng Nga
(www.stroyorbital.ru) tháng 9/2013*

ND: Lê Minh

Kính tiết kiệm năng lượng

Ngày nay, sử dụng nguồn năng lượng hiệu quả trở thành vấn đề vô cùng cấp thiết. Cách đây ít lâu, vấn đề này mới chỉ được đề cập tới tại các nước phương Tây, giờ đây nó đã lan tới Nga và trở thành vấn đề “nóng”. Hàng năm, Nga tiêu tốn khoảng 400 triệu tấn nhiên liệu (tức là xấp xỉ 25% lượng năng lượng tiêu thụ trong năm của cả nước) để sưởi ấm các tòa nhà/ công trình. So với các quốc gia châu Âu khác cùng có khí hậu lạnh như Nga, mức tiêu thụ nhiệt cho 01kw/ phút tại Nga lớn gấp đôi - đây chính là nguyên nhân thâm hụt tài chính lớn của Nga.

Việc sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả trong xây dựng đã phổ biến hơn kể từ sau cuộc khủng hoảng năng lượng toàn cầu năm 1974. Công trình sử dụng năng lượng hiệu quả đầu tiên được xây tại Manchester (bang New Hampshire - Mỹ) năm 1972. Công trình thứ hai là tòa nhà EKONO - House tại thành phố Otaniemi (Phần Lan). Việc nghiên cứu sử dụng nhiệt do bức xạ mặt trời cũng như khả năng ứng dụng công nghệ máy tính để điều khiển các thiết bị kỹ thuật mới chỉ có 30 năm trước đây.

Trong nửa cuối thập kỷ 80 thế kỷ XX, nhà thụ động - giải pháp sử dụng năng lượng hiệu quả trong lĩnh vực xây nhà ở - đã xuất hiện. Trong các nhà thụ động, để sưởi ấm, người ta thường sử dụng các nguồn dự trữ nhiệt nội bộ; và nhờ vào chất lượng vật liệu cách nhiệt, sự trao đổi năng lượng tối thiểu với môi trường



*Kim tự tháp bằng kính tại Bảo tàng Louvre
(Paris - Pháp)*

xung quanh, cũng như xử lý tối đa nhiệt thải ra sẽ được thực hiện.

Thời kỳ này, việc ứng dụng kính có lớp phủ tiết kiệm năng lượng có khả năng phản xạ nhiệt bên trong các căn phòng, đồng thời cho ánh sáng mặt trời xuyên qua đã phát triển rộng rãi. Tại Nga, loại kính này được gọi là kính có độ phát xạ thấp, và được sản xuất ở quy mô công nghiệp chỉ từ năm 2004 tại nhà máy kính do nước ngoài đầu tư xây dựng nằm ở ngoại ô Moskva. Cho tới nay, đây vẫn là nhà máy duy nhất trong cả nước sản xuất loại kính này.

Các yếu tố đều chứng minh một điều - phần lớn nhiệt thoát ra khỏi các căn nhà thông qua cửa sổ. Theo các số liệu quan sát, qua các kết cấu bao che bên ngoài trong suốt cho ánh sáng xuyên qua sẽ có tới hơn 40% năng lượng bị thất thoát. Chúng ta đều biết rằng, nhiệt được truyền qua các đồ vật (dẫn nhiệt), qua sự

chuyển động của không khí (đối lưu), và qua hiện tượng bức xạ. Sự thất thoát nhiệt qua các ô cửa kính chủ yếu bởi bức xạ. Đối lưu và dẫn nhiệt - đó là xấp xỉ 30% nhiệt thoát ra khỏi các căn phòng; còn bức xạ là 70% nhiệt còn lại.

Sự bức xạ nhiệt là quá trình truyền nhiệt nhờ các sóng điện từ, hay nói một cách đơn giản hơn là các đồ vật được sưởi ấm bên trong các căn phòng sẽ tỏa nhiệt. Bằng mắt thường không thể quan sát hiện tượng này, song chúng ta có thể hình dung nhiệt phát xạ không có gì cản trở sẽ dễ dàng vượt qua các kết cấu trong suốt. Phòng tránh hiện tượng đối lưu và dẫn nhiệt tương đối đơn giản, thông qua việc sử dụng vật liệu có tính dẫn nhiệt thấp (như gỗ, nhựa...) và cẩn thận bít kín các khe hở; trong khi đó, với việc bức xạ sẽ phức tạp hơn - do cần phải ứng dụng kính có tính phát xạ thấp, tức là loại kính có thể ngăn bức xạ và duy trì nhiệt bên trong các căn phòng.

Trong khoang chân không, trên tấm kính có một lớp ô xit và kim loại, cấu tạo nên một dải cực mỏng (mắt thường không thể trông thấy), có tác dụng phản xạ nhiệt bên trong các căn



Nhà kính đẹp

phòng. Đặc điểm của loại kính này là chuyên sử dụng trong thành phần kính hộp. Ứng dụng kính tiết kiệm năng lượng cho phép biến hộp kính thành một khoang thống nhất - có nghĩa là sẽ nhẹ hơn, và tất cả các cửa sổ sẽ có đặc tính sử dụng bền lâu hơn. Đơn giá cuối cùng của kết cấu cửa sổ không hề cao hơn so với các cửa kính truyền thống, mà ngược lại, trong nhiều trường hợp, giá còn thấp hơn hẳn so với kính truyền thống. Bên cạnh đó, các chỉ số về tiết kiệm năng lượng (tiết kiệm nhiệt bên trong phòng) có nhiều ưu thế rõ rệt. Có thể tham khảo qua bảng dưới đây:

Hướng ánh sáng	Cửa sổ truyền thống: nhiệt thất thoát kw*h/m ²	Cửa sổ lắp kính tiết kiệm năng lượng: nhiệt thất thoát kw*h/m ²	Giảm năng lượng thất thoát khi ứng dụng kính tiết kiệm năng lượng, %	Hiệu quả kinh tế hàng năm từ việc ứng dụng, USD/m ²
Nam	161	53	67%	44,1
Bắc	276	131	52%	65,0
Tây/ Đông	231	101	56%	56,83

Như vậy, việc giảm sự thất thoát nhiệt có thể đạt được 55 - 60%. Từ việc phân tích sự thất thoát nhiệt tới việc phân tích chi phí gas hoặc dầu mazut để sưởi ấm, có thể rút ra kết luận về việc tiết kiệm đến 30% nhiên liệu chỉ nhờ ứng dụng đúng loại kính.

Lắp kính tiết kiệm năng lượng sẽ giúp giảm phát thải khí nhà kính (01 m² kính tiết kiệm năng lượng sẽ giúp giảm khí thải CO₂ tới 6,5

lần mỗi năm), do vậy đây là việc có ý nghĩa rất lớn, khi Nga đã tham gia ký kết Nghị định thư Kyoto về giảm phát thải khí nhà kính.

AGC Flat Glass hiện nay là Tập đoàn duy nhất tại Nga sản xuất kính tiết kiệm năng lượng. Sản phẩm của Tập đoàn - Planibel TOP N khác biệt bởi độ trong suốt, và đặc biệt được chế tạo để ứng dụng vào kính hộp có các chỉ số tiết kiệm năng lượng cao. Một sản phẩm khác là

kính không màu Planibel Energy N cũng rất phổ biến. Loại kính này được ứng dụng khá thành công tại các nhà ở, bệnh viện, nhà trẻ, trường học...

Tuy nhiên, tương lai vẫn thuộc về các loại kính đa năng, với các đặc tính khác nhau. Nhờ tính trung hòa và khả năng phản xạ thấp, kính đa năng đã chiếm ưu thế vượt trội trong kiến trúc hiện đại, tại những công trình cao cấp, như các mặt tiền của những công trình cao tầng trong tổ hợp Moskva - City.

Các nhà thiết kế Nga hiện nay luôn nỗ lực hơn trong việc cải thiện đặc tính trong suốt của kính, để tạo điều kiện tốt hơn cho sự phân định ranh giới tối thiểu giữa các căn phòng bên trong và môi trường tự nhiên xung quanh. Đây chính là lý do nghiên cứu các dòng sản phẩm mới mang tên Stopray.

Stopray là loại sản phẩm được sản xuất với việc ứng dụng công nghệ nano. Việc phun macnetron nhiều lớp của các liên kết kim loại và bạc hiếm trong đất (xấp xỉ 15 lớp) sẽ làm cho kính không chỉ có khả năng cản tia sáng mặt

trời, mà còn tiết kiệm năng lượng trong khi vẫn duy trì các đặc tính cho ánh sáng xuyên suốt.

Kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới đã khẳng định tính cần thiết ứng dụng các vật liệu tiết kiệm năng lượng - trong đó có kính tiết kiệm năng lượng - trong xây dựng hiện đại. Tại các quốc gia Tây Âu, kính tiết kiệm năng lượng hiện nay đã chiếm tới gần 90% thị phần trong xây dựng. Tại Nga, con số thống kê chưa có. Nhà sản xuất đầu tiên loại sản phẩm này đánh giá việc ứng dụng nó là 5%, tối đa 7%. Song Nga vẫn có đầy đủ tiềm năng phát triển kính tiết kiệm năng lượng. Chiến lược ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng do các nhà lãnh đạo Nga khởi xướng chính là tiền đề cho sự hội nhập nhanh chóng đề tài nêu trên với các nhiệm vụ thực tế của ngành xây dựng.

A.E.Tarasov

*Nguồn: Tạp chí Vật liệu, Công nghệ &
Thiết bị Xây dựng thế kỷ XXI (Nga)*

tháng 3/2013

ND: Lê Minh

Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng tiếp và làm việc với đồng chí Nabil Benabdellah - Tổng Bí thư Đảng Tiến bộ và Chủ nghĩa Xã hội, Bộ trưởng Bộ Nhà ở và Chính sách đô thị Ma-rốc

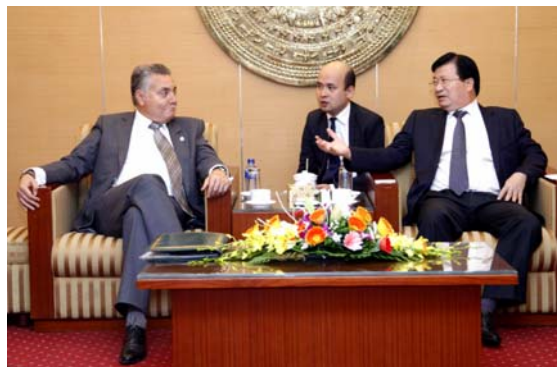
Ngày 15/4/2014 tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã có buổi tiếp và làm việc với đoàn Đảng Tiến bộ và Chủ nghĩa Xã hội Ma-rốc do đồng chí Nabil Benabdellah - Tổng Bí thư kiêm Bộ trưởng Bộ Nhà ở và chính sách đô thị làm Trưởng đoàn, nhân chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam.

Tại buổi tiếp, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng bày tỏ vui mừng được đón tiếp đồng chí Nabil Benabdellah và các thành viên trong đoàn đến thăm và làm việc với Bộ Xây dựng, đồng thời khẳng định, mặc dù hai nước xa nhau về khoảng cách địa lý, nhưng sự quan tâm và những tình cảm tốt đẹp mà hai nước luôn dành cho nhau, cũng như quan hệ chính trị, ngoại giao giữa hai nước ngày càng được củng cố và tăng cường.

Vui mừng trước quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại giữa hai nước đang tiếp tục phát triển, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, đó là nền tảng quan trọng để làm sâu sắc thêm quan hệ chính trị giữa hai Đảng, hai nước, quan hệ hợp tác giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ Nhà ở và Chính sách đô thị Ma-rốc.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đánh giá cao chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam của đồng chí Nabil Benabdellah, và coi đây là một sự kiện quan trọng, góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa hai bên.

Tại buổi tiếp và làm việc Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã giới thiệu với đồng chí Nabil Benabdellah về các chức năng, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng, các công việc đang làm cũng như những định hướng chiến lược của ngành Xây dựng Việt Nam trong thời gian tới trong các lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng, quản lý quy hoạch - kiến trúc, phát triển đô thị, nhà ở và thị trường



*Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Tổng Bí thư,
Bộ trưởng Bộ Nhà ở và Chính sách đô thị Ma-rốc
Nabil Benabdellah*

bất động sản, vật liệu xây dựng, qua đó cho thấy, còn rất nhiều tiềm năng để thúc đẩy hợp tác giữa hai bên.

Phát biểu tại buổi làm việc với Bộ Xây dựng, đồng chí Nabil Benabdellah cho biết, trong chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam lần này, kỳ vọng của đoàn là nâng cao hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước, thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa hai Bộ và chia sẻ kinh nghiệm trong những lĩnh vực hai bên cùng quan tâm.

Chia sẻ kinh nghiệm về quản lý đô thị, phát triển nhà ở, đồng chí Nabil Benabdellah cho biết, Ma-rốc từ rất lâu đã quan tâm đến công tác quản lý lãnh thổ và đô thị, với các quy hoạch tổng thể cấp quốc gia, vùng và đô thị cũng như các quy hoạch ở cấp thấp hơn như quy hoạch các khu, quy hoạch chi tiết. Hiện nay, tỷ lệ đô thị hóa của Ma-rốc là 65%, trong 10 năm tới dự kiến sẽ có 75% dân số cả nước sống ở đô thị - đó là một sức ép rất lớn đối với các thành phố của Ma-rốc về nguồn cung nhà ở, hạ tầng và dịch vụ công cộng. Trong thời gian dài trước năm 2004, do thiếu nguồn lực cũng như thiếu sự quan tâm đầy đủ của Nhà

nước đã dẫn đến tại nhiều thành phố của Ma-rốc xuất hiện các khu nhà ở tồi tàn, khu ổ chuột, các khu phố cổ đông đúc không được bảo đảm về các dịch vụ hạ tầng phục vụ cho sinh hoạt, xung quanh các thành phố lớn có nhiều khu nhà ở được xây dựng tự phát, không có giấy phép xây dựng... Để cải thiện tình trạng này, từ năm 2004, Ma-rốc bắt đầu triển khai một chương trình xóa bỏ các khu nhà ổ chuột với tổng số khoảng 260.000 hộ tại 85 thành phố. Theo chương trình này, người dân được lựa chọn hoặc tái định cư tại các lô đất đã có hạ tầng (nếu có điều kiện kinh tế) hoặc định cư trong các căn hộ thuộc các dự án nhà ở xã hội. Trong vòng 10 năm (2004-2014), Ma-rốc đã hoàn thành việc tái định cư cho 230.000 hộ, đã có 55 thành phố xóa được các khu nhà tồi tàn và hoàn thành xây dựng 320.000 căn nhà ở xã hội. Về nguồn lực, đồng chí Nabil Benabdellah cho biết, trong 10 năm đó, Ma-rốc đã chi 3 tỷ USD cho phát triển nhà ở xã hội, và 4 tỷ USD cho việc sắp xếp, chỉnh trang lại các khu nhà ở tập thể và các khu nhà xây dựng trái phép.

Để huy động các nguồn lực cho phát triển nhà ở xã hội, Chính phủ Ma-rốc khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, thông qua hàng loạt chính sách ưu đãi về thuế; thành lập quỹ vốn nhà ở từ lệ phí đánh vào xi măng, sau đó là phí đánh vào cát, sắt thép làm bê tông. Quỹ này mỗi năm thu được

khoảng 400 triệu USD để dành cho phát triển nhà ở xã hội. Trong Chương trình xóa bỏ nhà ổ chuột, Chính phủ Ma-rốc cũng có cơ chế hỗ trợ trực tiếp cho các hộ dân di dời đến nơi ở mới. Việc thực hiện Chương trình này đã tạo ra một thị trường xây dựng hết sức sôi động, tạo thêm năng lực cho các doanh nghiệp xây dựng, từ đó có thể vươn ra thị trường xây dựng quốc tế trong lĩnh vực phát triển nhà ở xã hội.

Để tạo ra các khu nhà ở xã hội có chất lượng, Bộ Nhà ở và chính sách đô thị Ma-rốc đã phối hợp với các Bộ hữu quan để tập trung các nguồn lực đầu tư, hình thành nên các khu nhà ở xã hội đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, hài hòa với cảnh quan đô thị, áp dụng các triết lý tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường và phát triển bền vững...

Đánh giá cao những kinh nghiệm phát triển đô thị của Ma-rốc, đặc biệt là kinh nghiệm về phát triển nhà ở xã hội - một lĩnh vực mà Việt Nam đã hết sức quan tâm, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng mong muốn hai bên sẽ tiếp tục có những buổi phối hợp làm việc trong các lĩnh vực cụ thể để chia sẻ kinh nghiệm. Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cũng khẳng định, những kinh nghiệm của Ma-rốc là rất đáng quý đối với Việt Nam, trong thời gian tới, hai bên sẽ tăng cường trao đổi các đoàn để học tập kinh nghiệm lẫn nhau.

Minh Tuấn

Hội nghị Tổng kết hoạt động năm 2013 và phương hướng hoạt động năm 2014 của Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản

Ngày 18/4/2014 tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản đã tổ chức Kỳ họp lần thứ XIII - Tổng kết hoạt động năm 2013 và phương hướng hoạt động năm 2014. Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải - Trưởng Ban Chỉ đạo chủ trì

Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng - Phó trưởng ban thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản; Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam; Phó Chủ tịch



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Hội nghị

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Mai Đức Chính; đại diện các Bộ, ngành Trung ương, UBND thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh và các Hội, Hiệp hội chuyên ngành.

Tại Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam đã báo cáo kết quả hoạt động của Ban Chỉ đạo trong năm 2013. Theo đó, tình hình thị trường bất động sản (BDS) năm 2013 đã có xu hướng ấm lên, thể hiện qua lượng giao dịch trên thị trường những tháng cuối năm đã tăng nhiều so với những tháng đầu năm, tăng trưởng tín dụng bất động sản cao hơn so với tăng trưởng tín dụng chung, các dự án dở dang tiếp tục được triển khai và mở bán, niềm tin của khách hàng vào thị trường dần được hồi phục. Cơ cấu hàng hóa bất động sản, nhất là bất động sản nhà ở đã được điều chỉnh sát với nhu cầu của thị trường, các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản đã chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh, điều chỉnh cơ cấu sản phẩm, tăng cường thông tin, tiếp thị. Các sản phẩm nhà ở có diện tích nhỏ hơn 70m², giá bán dưới 15 triệu đồng/m² tại các đô thị lớn được tiêu thụ mạnh, hầu như không còn tồn kho loại sản phẩm này.

Đối với gói tín dụng hỗ trợ nhà ở 30.000 tỷ đồng, dù đã được triển khai và thu được kết quả bước đầu, tuy nhiên tiến độ giải ngân vẫn còn chậm do nguồn cung về nhà ở xã hội và nhà ở thương mại có diện tích nhỏ hơn 70 m², giá bán

dưới 15 triệu đồng/m² còn ít. Bên cạnh đó, một số ngân hàng vẫn còn thận trọng trong việc xác định đối tượng cho vay, một số chính quyền địa phương cấp cơ sở cũng chưa quán triệt chủ trương, chính sách nên việc triển khai xác nhận đối tượng còn phiền hà, chậm trễ, gây bức xúc trong xã hội. Việc rà soát các dự án BĐS chưa được địa phương thực sự quan tâm chỉ đạo, chưa kiên quyết tạm dừng hoặc dừng các dự án không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển cũng như nhu cầu của địa phương. Vì vậy việc chuyển đổi các dự án nhà ở thương mại sang nhà ở xã hội, điều chỉnh cơ cấu hàng hóa mà thị trường đang cần còn rất chậm.

Thị trường bất động sản tuy đã có xu hướng ấm dần lên nhưng vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn như: lượng hàng tồn kho vẫn còn khá lớn, nhiều dự án xa trung tâm, thiếu hạ tầng đồng bộ vẫn không bán được hàng, giá cả BĐS nhất là nhà ở vẫn ở mức cao so với thu nhập của người dân. Các doanh nghiệp đầu tư vẫn rất khó khăn về vốn vì lãi suất còn cao và khó tiếp cận nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng khi chưa trả được nợ cũ. Nhiều dự án xây dựng dở dang do người mua nhà không nộp tiền tiếp, nên cũng rất khó khăn về vốn để tiếp tục triển khai.

Trong năm 2014, cùng với các giải pháp đồng bộ tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu được triển khai trong năm 2013 và đã phát huy tác dụng bước đầu, kinh tế vĩ mô ổn định trở lại, lạm phát được kiểm chế, lãi suất tín dụng giảm. Theo dự báo thị trường bất động sản trong năm 2014 sẽ có chuyển biến theo hướng tích cực, tiếp tục có sự điều chỉnh về cơ cấu sản phẩm, nguồn cung sản phẩm sẽ tập trung vào phân khúc bình dân, diện tích vừa và nhỏ, giá bán dưới 20 triệu/m². Giao dịch các dự án căn hộ trung và cao cấp đã xong phần thô, đang hoàn thiện và có vị trí thuận lợi sẽ nhiều hơn. Các dự án BĐS xa trung tâm, hạ tầng không thuận lợi sẽ vẫn ít có giao dịch. Các nhà đầu tư không có năng lực tài chính và kinh nghiệm, đầu tư các

dự án không phù hợp với nhu cầu thị trường hoặc có lượng vốn vay lớn sẽ tiếp tục gặp khó khăn, thậm chí sẽ phải rời bỏ thị trường, nhường thị trường cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp. Các chính quyền địa phương sẽ thận trọng hơn khi cấp phép cho doanh nghiệp triển khai dự án BĐS, một số địa phương đã tạm ngừng việc xem xét cho phép triển khai các dự án mới. Vì vậy, dự báo xu hướng trong năm 2014 xu thế chuyển nhượng toàn bộ hoặc từng phần dự án phát triển BĐS (kể cả cho các doanh nghiệp nước ngoài) và mua bán, sáp nhập giữa các chủ đầu tư với nhau sẽ phổ biến hơn.

Tại Hội nghị, đại diện Ngân hàng Nhà nước cho biết, trong tháng 4 sẽ đưa ra lấy ý kiến để quyết định về Đề án thành lập Công ty cho vay tái thế chấp nhà ở. Từ đó sẽ tổ chức tái thế chấp nguồn lực huy động từ các nguồn khác nhau để mua lại các hợp đồng tín dụng, các khoản nợ của các ngân hàng thương mại, tạo nguồn vốn trung, dài hạn để các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại tiếp tục cho vay nhà ở.

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng - Phó trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản cho biết: các chương trình nhà ở xã hội dành cho các đối tượng là sinh viên, công nhân, người dân lao động tại đô thị, cho cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang... đang được triển khai tốt, bước đầu đạt được hiệu quả khích lệ. Bộ trưởng cũng nhận định, từ cuối quý III/2013, tốc độ giảm giá BĐS chững lại, tình hình giao dịch BĐS đã tăng, tính đến quý I/2014 lượng giao dịch BĐS tại Hà Nội đã gấp đôi quý I/2013. Tính đến ngày 15/4/2013, lượng tồn kho BĐS là 30%/ 66%, lượng hàng tồn kho này chủ yếu là chưa thông qua giao dịch. Tình hình tín dụng BĐS tăng, như vậy có thể thấy nhu cầu BĐS đã tăng, đây là một tín hiệu tích cực, điều này khẳng định các giải pháp đưa ra trong Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ là đúng và chính xác. Bộ trưởng



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản phát biểu tại Hội nghị

cho rằng, thông qua các chính sách, cơ cấu căn hộ, cơ cấu lại dự án, chính sách thuế phù hợp, sự hỗ trợ của nhà nước... chuyển đổi từ hình thức nhà ở thương mại sang nhà ở xã hội, từ đó sẽ khắc phục được tình hình và đáp ứng được nhu cầu thực, thị trường BĐS sẽ ấm lên và góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết tình hình tồn kho của ngành Xây dựng. Trong thời gian tới các ngân hàng cũng cần tiến hành đẩy nhanh công tác giải ngân cho vay và mở rộng đối tượng cho vay. Đối với các dự án được cấp phép quá lớn so với nhu cầu thực của thị trường, cần tập trung xử lý tồn kho những dự án này, chuyển cơ cấu dự án, rà soát theo chỉ thị 2196/CT - TTg của Thủ tướng Chính phủ. Các địa phương cần tạo mọi điều kiện để các dự án chuyển đổi từ hình thức thương mại sang nhà ở xã hội và coi đây là một công việc trọng tâm.

Phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đánh giá cao kết quả đạt được trong năm 2013. Các chương trình nhà ở dành cho người có công, nhà ở nông thôn, nhà ở cho người nghèo... trong giai đoạn một đã thực hiện tốt, đạt vượt mục tiêu đề ra. Phó Thủ tướng cũng khẳng định, thông qua Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ đã tạo sự phấn khởi cho những đối tượng có nhu cầu nhà ở thực sự, trong thời gian qua đã giải quyết được 36 nghìn căn nhà ở xã hội, nhưng cầu về nhà ở xã hội còn rất lớn. Diện tích đất dành cho

nhà ở xã hội không thiếu, nhưng cần tháo gỡ những bất cập trong cơ chế chính sách, để thu hút các Chủ đầu tư vẫn tiếp tục đầu tư, các hộ có nhu cầu về nhà ở vẫn tiếp tục được giải quyết. Việc quy hoạch các khu nhà ở xã hội nên đan xen vào các khu ở thương mại, vì như vậy sẽ tạo ra sự công bằng trong xã hội, những người nghèo, có thu nhập thấp được chia sẻ những cơ sở hạ tầng tốt.

Theo Phó thủ tướng, trong năm 2014 vẫn tiếp tục đảm bảo nền kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội. Tiếp tục hoàn thiện các văn bản quy

phạm pháp luật; những nội dung đề nghị thay đổi trong gói 30.000 tỷ, Bộ Xây dựng cần có văn bản trình với Chính phủ; cần xây dựng chính sách tín dụng dài hạn dành cho nhà ở xã hội; cần tăng cường các dự án cải tạo lại; thúc đẩy loại hình nhà ở cho thuê; tiếp tục mô hình tái cho vay thế chấp; các địa phương dựa theo chỉ thị 2196/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục rà soát, cân nhắc khi phê duyệt các dự án.

Bích Ngọc

Công ty cổ phần tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng (Coninco) kỷ niệm 35 năm ngày thành lập, đón nhận Huân chương Độc lập hạng III

Ngày 16/4/2014 tại Hà Nội, Công ty Cổ phần Coninco đã long trọng tổ chức Lễ Kỷ niệm 35 năm ngày thành lập (16/4/1979 - 16/4/2014) và đón nhận Huân chương Độc lập hạng III. Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đã đến dự và phát biểu tại buổi Lễ.

Tham dự buổi Lễ có Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng và các Thứ trưởng Bộ Xây dựng: Cao Lại Quang, Phan Thị Mỹ Linh; Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải Nguyễn Ngọc Đông; Thứ trưởng Bộ Y tế Nguyễn Viết Tiến; đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương, các Hội nghề nghiệp, các cán bộ lão thành ngành Xây dựng, lãnh đạo Công ty cổ phần Coninco qua các thời kỳ...

Lễ Kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Công ty cổ phần Coninco vinh dự được nhận các lẵng hoa chúc mừng của nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười, của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, thành phố Hà Nội.

Tại buổi Lễ, thay mặt lãnh đạo Công ty Cổ phần Coninco, TS. Hà Minh - Phó Tổng Giám đốc đã đọc diễn văn ôn lại những chặng đường



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải phát biểu tại buổi Lễ

phát triển của Công ty Cổ phần Coninco trong 35 năm qua. Tiến thân từ Viện nghiên cứu về cơ giới hóa và công nghệ xây dựng được thành lập năm 1979, sau chuyển đổi mô hình thành doanh nghiệp nhà nước (1994- 2007), công ty cổ phần (2007 đến nay), Công ty cổ phần Coninco đã có sự phát triển và trưởng thành vượt bậc, vươn lên thành lá cờ đầu trong lĩnh vực tư vấn giám sát, quản lý dự án: đã thực hiện nhiều dự án lớn trong các lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi... trên khắp mọi miền của đất nước và cả ở nước bạn Lào, trong đó có những dự án quan trọng như:



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải gắn Huân chương Độc lập hạng III lên lá cờ truyền thống của Công ty Coninco

Trung tâm Hội nghị quốc gia, Nhà Quốc hội, trụ sở Bộ Công An, Bộ Ngoại Giao, Văn phòng Quốc hội Lào.... Bên cạnh đó, Coninco còn là một địa chỉ kiểm định chất lượng tin cậy, đơn vị tư vấn thiết kế có uy tín, và là đơn vị tiên phong về nhượng quyền thương mại cũng như có quan hệ hợp tác với nhiều đối tác quốc tế lớn của Nhật Bản, Hàn Quốc, Thụy Sĩ...

Trong 35 năm xây dựng và trưởng thành Công ty cổ phần Coninco luôn hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước. Những thành tích của Công ty Coninco đã được lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Bộ Xây dựng, các Bộ, ban ngành Trung ương và các địa phương ghi nhận và trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Lao động các hạng Nhất, Nhì, Ba; Bằng khen và Cờ Thi đua của Chính phủ, của Bộ Xây dựng, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và các Bộ, Ban ngành... Nhân dịp kỷ niệm 35 năm ngày thành lập, Công ty Cổ phần Coninco một lần nữa vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng III, nhiều tập thể, cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, đến dự và trao Huân chương Độc lập hạng Ba cho Công ty cổ phần Coninco, Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đã biểu dương và ghi nhận Coninco đã thực hiện tốt các



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng trao Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các Tập thể và cá nhân của Công ty Coninco có thành tích xuất sắc

nhiệm vụ được giao và đang thực hiện ý chí tiên phong của mình trong lĩnh vực tư vấn xây dựng và chuyển giao công nghệ. Thương hiệu Coninco đang từng bước được khẳng định vững chắc trên thị trường trong nước và khu vực. Để đóng góp tích cực hơn nữa cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tái cơ cấu nền kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải cũng đã chỉ đạo Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Coninco cần làm tốt một số nhiệm vụ trọng tâm: Tiếp tục phát triển năng lực trong lĩnh vực tư vấn, kiểm định xây dựng, xây dựng chiến lược phát triển của công ty trong từng giai đoạn; Quan tâm công tác đào tạo nguồn nhân lực, tăng cường hợp tác quốc tế; Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, áp dụng công nghệ tiên tiến trong quá trình thực hiện các công việc tư vấn.

Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải cũng bày tỏ tin tưởng với 35 năm kinh nghiệm xây dựng và phát triển, tập thể lãnh đạo và cán bộ, công nhân viên Công ty cổ phần Coninco nhất định sẽ đạt được các mục tiêu chiến lược đã đề ra, xây dựng Coninco trở thành một đơn vị tư vấn có uy tín trên thị trường trong nước, khu vực và quốc tế.

Minh Tuấn

Chương trình Tín dụng 50.000 tỷ đồng ngành Xây dựng và sản phẩm “Chuỗi liên kết 4 nhà” trong ngành Xây dựng

Ngày 17/04/2014, tại Hà Nội, Tập đoàn Thiên Thanh và Ngân hàng Xây dựng Việt Nam - VNCB đã đồng tổ chức “Hội nghị triển khai chương trình Tín dụng 50.000 tỷ đồng ngành Xây dựng” lần 2. Đến dự Hội nghị có Ủy viên TW Đảng, Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam Nguyễn Văn Bình, Ủy viên TW Đảng, Phó trưởng ban thường trực Ban Tuyên giáo TW Vũ Ngọc Hoàng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam, Thứ trưởng Bộ LĐTĐ và XH Nguyễn Thị Minh, Phó Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội Nguyễn Văn Sửu. Đến dự Hội nghị còn có đại diện lãnh đạo các tỉnh, thành phố khu vực miền Bắc, các Ngân hàng thương mại trong nước và quốc tế, các Hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp ngành Xây dựng.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Ông Phan Thành Mai - Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Ngân hàng VNCB cho biết, mục tiêu của chương trình tín dụng này là nhằm hiện thực hóa và vận hành thông suốt chuỗi liên kết xây dựng 4 nhà, xây dựng Sản kinh doanh VLXD chuyên nghiệp nhằm tối ưu và hiệu quả cho tất cả các chủ thể tham gia thị trường xây dựng, an toàn tín dụng cho các ngân hàng liên minh cấp vốn, khơi thông hàng hóa VLXD thông qua các hình thức trả chậm và đối trừ, giảm lưu thông tiền mặt góp phần giảm lạm phát, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng mới khi còn có các khoản vay cũ.

Điểm ưu việt của chương trình là tất cả các bên tham gia (Chủ đầu tư - Nhà thầu - Nhà cung ứng Vật liệu xây dựng - Ngân hàng) cùng ký kết trên 1 hợp đồng; nhiều ngân hàng thương mại cùng tham gia tài trợ cho các Doanh nghiệp trong chuỗi. Việc đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng (VLXD) trong chuỗi được thực hiện thông qua Nhà tổ chức chợ/ sàn mua



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu tại Hội nghị

bán VLXD với các dự án khả thi, nhà sản xuất được cho vay không nhất thiết cần tài sản đảm bảo, chỉ cần đối ứng bằng VLXD cung ứng cho công trình, phương thức trả chậm, các ngân hàng chủ động tiếp cận doanh nghiệp, các doanh nghiệp có khoản nợ ở các ngân hàng khác được khoan nợ và tiếp tục cho vay theo mục đích mới của chuỗi 4 nhà.

Trong chương trình tín dụng 50 nghìn tỷ đồng cho vay thương mại và sản xuất, VNCB dự kiến cung ứng khoảng 10 nghìn tỷ đồng tín dụng ngắn hạn cho VLXD và được quay vòng trong năm 2014, đặc biệt hình thức cấp tín dụng là bằng hàng hóa VLXD với các phương thức như bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh đối ứng, và các nghiệp vụ tín dụng khác liên quan đến cung ứng VLXD. Qua đó, hàng hóa là VLXD trả chậm sẽ được đưa đến tận chân các dự án, các công trình xây dựng. Với cấu trúc chuỗi liên kết khép kín 4 nhà, VNCB cũng giới thiệu các sản phẩm dịch vụ và tín dụng cho mua, xây, sửa nhà với hình thức vay trả chậm đến 15 năm với nhiều mức ưu đãi về lãi suất và các dịch vụ khác.

Ông Nguyễn Viết Mạnh - Vụ trưởng Vụ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước (NHNN) trong bài phát biểu của mình tại Hội nghị cũng nhấn mạnh ưu điểm và tác dụng của chương trình tín dụng 50 nghìn tỷ đồng. Việc triển khai sản phẩm tín dụng liên kết 4 nhà nhằm kiểm soát dòng vốn tín dụng có hiệu quả, đúng mục đích, khôi phục niềm tin trên thị trường, thúc đẩy các giao dịch kinh tế trong hoạt động đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản, góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, giảm bớt tồn kho VLXD và bất động sản (BDS). Phạm vi áp dụng sản phẩm liên kết 4 nhà mà NHNN đang chỉ đạo không chỉ bó hẹp trong lĩnh vực bất động sản mà áp dụng chung lĩnh vực xây dựng cơ bản bao gồm cả một số dự án công trình giao thông..., nhằm góp phần thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, phục vụ nền kinh tế.

Sản phẩm liên kết 4 nhà có ý nghĩa kinh tế rất lớn trong giai đoạn hiện nay, thứ nhất nó góp phần tháo gỡ khó khăn cho thị trường BDS; Thứ hai là nó tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đang có nợ có hạn có thể vay vốn, tháo gỡ khó khăn về vốn cho các dự án xây dựng cơ bản, tiếp tục đầu tư, hạn chế tình trạng đầu tư dở dang, lãng phí, giúp dự án có đủ vốn để triển khai, hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình; Thứ ba là tăng cường sự hợp tác, phối hợp giữa các tổ chức tín dụng trong việc kiểm soát nguồn tiền, đảm bảo vốn vay sử dụng đúng mục đích, nâng cao chất lượng tín dụng, giảm nợ xấu trong hoạt động ngân hàng;

Thứ tư là củng cố lòng tin, tăng cường mức độ tin cậy trong kinh doanh giữa các chủ thể tham gia chuỗi liên kết.

Cũng tại Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam cho biết, theo thống kê quý I năm 2014, các con số về lượng tồn kho VLXD và số lượng nhà bán ra thông qua sàn giao dịch BĐS cho thấy thị trường đang có nhiều tín hiệu khởi sắc và đáng mừng. Tuy nhiên, hiện nay nhiều dự án xây dựng phải dừng lại do thiếu nguồn lực, mà chủ yếu là nguồn lực tài chính, chính vì thế chương trình tín dụng 50 nghìn tỷ và sản phẩm chuỗi liên kết 4 nhà của NHNN chỉ đạo các ngân hàng thương mại thực hiện là phù hợp với tình hình thực tế tín dụng hiện nay, và đem lại nhiều lợi ích cho các bên tham gia. Điều quan trọng là phương thức thực hiện phải đúng đắn và có hiệu quả, đồng thời các doanh nghiệp và ngân hàng cũng phải có những tác động tích cực để đẩy mạnh thị trường xây dựng phát triển. Thứ trưởng cũng thay mặt Bộ Xây dựng nhiệt liệt ủng hộ chương trình tín dụng này, và cam kết Bộ Xây dựng sẽ phối hợp chặt chẽ với NHNN và các bộ ngành có liên quan khác trong việc theo dõi, tổng kết, tháo gỡ vướng mắc và chỉ đạo các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng kết hợp với các ngân hàng, để việc thực hiện, vận hành chủ trương của NHNN, đem lại hiệu quả tốt nhất cho xã hội, cho doanh nghiệp và người dân.

Quỳnh Anh

Viện Kinh tế Xây dựng kỷ niệm 40 năm ngày thành lập và đón nhận các danh hiệu khen thưởng của Nhà nước và Chính phủ

Ngày 18/4/2014 tại Hà Nội, Viện Kinh tế Xây dựng (Bộ Xây dựng) đã long trọng tổ chức Lễ Kỷ niệm 40 năm ngày thành lập và đón nhận các danh hiệu khen thưởng của Nhà nước và Chính phủ. Tới dự buổi Lễ có các đồng chí

Nguyễn Mạnh Kiểm, Nguyễn Hồng Quân - nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng; các Thứ trưởng Bộ Xây dựng: Bùi Phạm Khánh, Phan Thị Mỹ Linh; đại diện lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành Trung



Thủ tướng Bùi Phạm Khánh phát biểu tại buổi Lễ ương; lãnh đạo các địa phương; đại diện các Hội nghề nghiệp, các tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp, các ban quản lý dự án trong và ngoài Bộ Xây dựng và hơn 200 cán bộ lãnh đạo, viên chức - lao động các thời kỳ của Viện Kinh tế Xây dựng.

Trong diễn văn ôn lại các chặng đường phát triển trong 40 năm qua của Viện Kinh tế Xây dựng, TS. Trần Hồng Mai - Viện trưởng Viện Kinh tế Xây dựng cho biết, trải qua 40 năm xây dựng và trưởng thành, tiếp bước các thế hệ đi trước, trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Viện Kinh tế Xây dựng đã hoàn thành một khối lượng lớn công tác tham mưu, nghiên cứu xây dựng các cơ chế chính sách về kinh tế phục vụ quản lý nhà nước ngành Xây dựng. Điều lệ Quản lý kinh tế xây dựng do Viện chủ trì soạn thảo được Chính phủ ban hành tại Nghị định số 232/CP ngày 06/6/1981 là thể chế quản lý đầu tư xây dựng đầu tiên, là đạo luật gốc để phục vụ cho công tác quản lý, điều hành các hoạt động đầu tư xây dựng và là cơ sở quan trọng để phát triển và hoàn thiện các cơ chế chính sách mà Bộ Xây dựng trình Chính phủ ban hành trong các giai đoạn tiếp theo; Nghị định số 99/2007/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 13/6/2007 và Nghị định số 112/2009/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình là các văn bản quan trọng, mang tính đột phá mạnh mẽ về quản lý chi phí xây dựng theo cơ chế thị trường, phù hợp tiến



Viện trưởng Trần Hồng Mai đọc diễn văn ôn lại truyền thống 40 năm Viện Kinh tế Xây dựng

trình Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới; Viện Kinh tế Xây dựng cũng tham gia tích cực trong việc soạn thảo Luật Xây dựng 2003 – văn bản có giá trị pháp lý cao nhất về quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Hiện nay, Viện Kinh tế Xây dựng đang tiếp tục nghiên cứu soạn thảo sửa đổi Luật Xây dựng, Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Nhà ở. Ngoài ra, Viện đã nghiên cứu, soạn thảo và tham mưu cho Bộ Xây dựng trình Chính phủ ban hành nhiều cơ chế, chính sách quan trọng, chủ trì soạn thảo trình Bộ Xây dựng ban hành các Thông tư hướng dẫn trong các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Bên cạnh đó, Viện Kinh tế Xây dựng đã chủ trì biên soạn hệ thống chỉ tiêu, định mức kinh tế - kỹ thuật với trên 20.000 danh mục đã được Bộ Xây dựng ban hành hoặc công bố, phục vụ cho công tác lập và quản lý chi phí trong các lĩnh vực xây dựng. Các kết quả của gần 200 đề tài nghiên cứu khoa học và sự nghiệp kinh tế do Viện thực hiện đều được áp dụng trên thực tế, là cơ sở quan trọng để xây dựng các cơ chế, chính sách và các định mức kinh tế - kỹ thuật.

Qua 40 năm xây dựng và trưởng thành, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Viện Kinh tế Xây dựng ngày càng phát triển mạnh mẽ cả về số lượng cũng như trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, các cán bộ trẻ đã nhanh chóng tiếp cận khoa học kỹ thuật hiện đại, tích cực thâm nhập



Thử trưởng Bùi Phạm Khánh và Thử trưởng Phan Thị Mỹ Linh trao các danh hiệu thi đua cho các tập thể, cá nhân của Viện Kinh tế Xây dựng

thực tiễn và làm chủ được những công nghệ tiên tiến.

Với những thành tích đạt được trên mọi mặt công tác, trong 40 năm qua, Viện Kinh tế Xây dựng đã được Đảng, Nhà nước, Bộ Xây dựng và các cấp, các ngành biểu dương và trao tặng nhiều danh hiệu cao quý: Huân chương Lao động hạng Nhì (2008) và Huân chương Lao động hạng Ba (1987, 1995, 1998) và nhiều Cờ Thi đua, Bằng khen của Chính phủ, Cờ thi đua của Bộ Xây dựng, Công đoàn Xây dựng Việt Nam... Nhân dịp kỷ niệm 40 năm thành lập Viện, Viện đã tổ chức đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất (2013) cho Tập thể Viện, Huân chương Lao động hạng Ba cho 02 cá nhân, và Bằng khen Chính phủ cho 04 tập thể và 05 cá nhân có thành tích xuất sắc.

Phát biểu chúc mừng Viện Kinh tế Xây dựng tròn 40 năm tuổi, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thử trưởng Bùi Phạm Khánh biểu dương những nỗ lực và các thành tích của Viện Kinh tế

Xây dựng, đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành Xây dựng cũng như cho nền kinh tế đất nước.

Thử trưởng Bùi Phạm Khánh cũng cho biết, năm 2014, nhiệm vụ đặt ra cho Viện Kinh tế Xây dựng là rất lớn, đặc biệt đó là việc Viện tích cực tham gia, cùng các cơ quan của Bộ để hoàn thiện các Nghị định và Thông tư hướng dẫn sau khi Luật Xây dựng sửa đổi được Quốc hội thông qua, tham gia hoàn thiện Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ, Thử trưởng Bùi Phạm Khánh yêu cầu Viện Kinh tế Xây dựng ưu tiên tập trung mọi nguồn lực cho việc nghiên cứu chiến lược phát triển của Viện, cơ chế chính sách quản lý đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật, phát triển nhà và bất động sản; thường xuyên rà soát, cập nhật các định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp với các tiến bộ của khoa học công nghệ và năng suất lao động trong thực tiễn sản xuất kinh doanh; tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, tập trung trí tuệ của đội ngũ cán bộ, viên chức, lực lượng nghiên cứu của Viện; đẩy mạnh hợp tác quốc tế; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, viên chức và người lao động; đổi mới công tác quản trị đơn vị, thực hiện tốt cơ chế tự chủ.

Thử trưởng Bùi Phạm Khánh cũng bày tỏ sự tin tưởng, với truyền thống 40 năm phát triển, Viện Kinh tế sẽ không ngừng trưởng thành và trở thành Viện nghiên cứu hàng đầu trong lĩnh vực kinh tế xây dựng của Bộ Xây dựng và của cả nước.

Minh Tuấn

Ban Kinh tế Trung ương làm việc với Bộ Xây dựng

Ngày 24/4/2014, tại Hà Nội, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban thường trực Ban Kinh tế Trung ương Phạm Xuân Đương và đoàn công tác của Ban Kinh tế Trung ương đã có buổi làm việc với Bộ Xây dựng về sơ kết 05

năm thực hiện Nghị quyết số 21, Hội nghị Trung ương 6, Khóa X về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tham dự buổi làm việc về phía Bộ Xây dựng có Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây



Phó Ban Kinh tế Trung ương Phạm Xuân Dương phát biểu tại buổi làm việc

dụng Trịnh Đình Dũng, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh và lãnh đạo các Cục, Vụ, Văn phòng Bộ Xây dựng.

Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết số 21, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng cho biết, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một yêu cầu quan trọng để đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 theo mục tiêu mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã đề ra.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, Bộ Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong các lĩnh vực: đầu tư xây dựng, kiến trúc - quy hoạch, phát triển đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn, nhà ở và thị trường bất động sản, vật liệu xây dựng, đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ. Trong 05 năm qua, Bộ Xây dựng đã tích cực triển khai việc rà soát hệ thống thể chế pháp luật ngành Xây dựng, chủ trì soạn thảo nhiều văn bản quy phạm pháp luật trình Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và ban hành nhiều Thông tư theo thẩm quyền, phủ kín các lĩnh vực quản lý của ngành. Trên cơ sở đúc rút kinh nghiệm từ thực tiễn và kết hợp với các nghiên cứu khoa học, Bộ Xây dựng đang tiếp tục chỉ đạo công tác xây dựng hệ thống thể chế pháp luật theo hướng đồng bộ, đổi mới, đáp ứng yêu cầu của việc xây dựng thể



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi làm việc

chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy con người làm trung tâm.

Đối với ngành Xây dựng, lĩnh vực đầu tư xây dựng là một lĩnh vực lớn, liên quan đến trên 80% tổng vốn đầu tư xã hội, nên đòi hỏi phải có những quy định pháp luật để quản lý chặt chẽ, đặc biệt là vốn đầu tư của Nhà nước, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư của nền kinh tế. Bộ Xây dựng đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2013/NĐ-CP về quản lý chất lượng công trình và hiện đang chuẩn bị trình Quốc hội thông qua Luật Xây dựng (sửa đổi). Trong các văn bản này đã thể hiện những quan điểm đổi mới, đồng thời vừa tuân thủ nguyên lý thị trường, vừa nâng cao vai trò quản lý của các cơ quan chuyên môn của Nhà nước, đề ra nguyên tắc các nguồn vốn khác nhau có các cách quản lý khác nhau. Các dự án sử dụng vốn Nhà nước phải đảm bảo theo đúng quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo chất lượng, môi trường, hiệu quả đầu tư.

Trong công tác quản lý phát triển đô thị, Bộ Xây dựng đã tham mưu, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 11/2013/NĐ-CP, yêu cầu việc phát triển đô thị phải tuân thủ quy hoạch, và kế hoạch. Các tỉnh, thành phố phải thành lập các Ban Quản lý khu vực phát triển, dựa trên quy hoạch phân khu để xây dựng kế hoạch thực hiện phát triển đô thị theo từng giai đoạn.

Trong lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động

sản, Bộ Xây dựng đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Trong chiến lược này, quan điểm đổi mới là khẳng định vai trò của Nhà nước trong phát triển nhà ở - phát triển nhà ở là trách nhiệm của Nhà nước, xã hội và của người dân. Trong chiến lược đã xác định các nhóm đối tượng cần được Nhà nước hỗ trợ về nhà ở thông qua các cơ chế, chính sách phát triển nhà ở xã hội. Bộ Xây dựng cũng đang dự thảo Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi) nhằm thể chế hóa các quan điểm của Đảng về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Phát biểu tại buổi làm việc, Phó Ban Kinh tế Trung ương Phạm Xuân Dương đánh giá cao những kết quả thực hiện Nghị quyết số 21 của Bộ Xây dựng. Từ năm 2008 đến nay, Bộ Xây dựng đã chủ động, tích cực và tập trung cho công tác hoàn thiện hệ thống thể chế, các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực nhà ở, bất động

sản, quản lý đầu tư và xây dựng... đóng góp quan trọng cho việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN nói chung và góp phần quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Phó Ban Kinh tế Trung ương Phạm Xuân Dương cũng cho biết, báo cáo của Bộ Xây dựng và những ý kiến phát biểu làm rõ thêm các nội dung triển khai thực hiện Nghị quyết số 21 là những thông tin và tư liệu quý để Ban tổng kết thực tiễn 30 năm đổi mới và sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết của Trung ương về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN.

Tại buổi làm việc, để tăng cường công tác phối hợp, trao đổi thông tin, lãnh đạo Ban Kinh tế Trung ương và Bộ Xây dựng đã thống nhất sẽ xúc tiến việc xây dựng quy chế phối hợp công tác giữa hai bên trong thời gian sớm nhất.

Minh Tuấn

Phát triển các đô thị vừa và nhỏ là trọng tâm thúc đẩy đô thị hóa kiểu mới ở Trung Quốc

Trung Quốc đang dần hoàn thiện các chiến lược về đô thị hóa kiểu mới với quan điểm “tăng cường phát triển các đô thị vừa và nhỏ tại các thành phố và thị trấn, dịch vụ công cộng, thu hút việc làm, chức năng tập trung dân số”, đồng thời đề ra những quyết sách lớn như “xây dựng bố cục đô thị khoa học, hợp lý”... Tất cả những động thái trên đang mở ra những cơ hội mới và không gian rộng lớn cho sự phát triển của các đô thị vừa và nhỏ ở Trung Quốc.

1. Phát triển các đô thị vừa và nhỏ phản ánh được những yêu cầu của thời đại

Những năm 80 -90 của thế kỷ trước, Trung Quốc đã từng thực hiện các chính sách đô thị hóa với việc phát triển trọng điểm các đô thị vừa và nhỏ, tuy nhiên hiệu quả không được như mong đợi. Vấn đề xây dựng các đô thị vừa và nhỏ lần này tiếp tục trở thành tiêu điểm nhưng

nó lại mang bối cảnh và nội hàm mới.

Thứ nhất, trong những năm gần đây, các đô thị lớn phát triển một cách bất thường, dân số tăng lên chóng mặt gây ra các “căn bệnh đô thị” như ùn tắc giao thông, ô nhiễm không khí, giá nhà tăng cao, thiếu tài nguyên... Ví dụ như thành phố Bắc Kinh: Năm 2009, dân số thường trú của Bắc Kinh là 19,72 triệu người, phá vỡ trước 10 năm chỉ tiêu kiểm soát quy mô dân số với 18 triệu người. Cuối năm 2012, dân số Bắc Kinh tăng lên 20,693 triệu người khiến cho thành phố trở nên quá tải nghiêm trọng. Hiện tại, tài nguyên nước theo bình quân đầu người tại Bắc Kinh không đạt 100 m³, việc xử lý rác thải sinh hoạt luôn trong tình trạng quá tải, hiện tượng sương mù, giao thông ùn tắc ngày càng trở thành những vấn đề gây phiền nhiễu cho công việc và cuộc sống của người dân. Trên

thực tế, các thành phố lớn khác như Thiên Tân, Thượng Hải, Quảng Châu... tình hình không tới mức độ nghiêm trọng như vậy. Trong bối cảnh đô thị hóa kiểu mới, phát triển các đô thị vừa và nhỏ ở mức độ nào đó là một hiệu ứng tốt.

Thứ hai, đối mặt với nguy cơ tài chính và suy thoái kinh tế mang tính chất toàn cầu, Trung Quốc đang tích cực tìm kiếm sự chuyển đổi phát triển mang tính lịch sử. Trong đó, mở rộng nhu cầu trong nước trở thành lựa chọn chiến lược lâu dài cho sự phát triển của nền kinh tế, xã hội. Đẩy mạnh phát triển các đô thị vừa và nhỏ có thể dẫn dắt có hiệu quả nhu cầu đầu tư và nhu cầu tiêu thụ.

Thứ ba, những phương thức phát triển đô thị hóa trước đây chứa đựng rất nhiều những mâu thuẫn kinh tế xã hội như hệ thống đô thị bất cân bằng, chênh lệch thu nhập... và khó có thể tiếp tục duy trì. Đô thị hóa kiểu mới mang hai sứ mệnh quan trọng đó là thúc đẩy phát triển kinh tế và công bằng xã hội, còn phát triển các đô thị vừa và nhỏ chính là con đường chiến lược trọng tâm hóa giải những vấn đề đô thị hóa nói trên. Có thể nói, đẩy mạnh phát triển các đô thị vừa và nhỏ đã trở thành một vấn đề thời đại cấp bách và quan trọng.

2. Tác dụng quan trọng của các đô thị vừa và nhỏ trong chiến lược đô thị hóa kiểu mới

Thứ nhất, các đô thị vừa và nhỏ là nơi chủ yếu thu hút sự chuyển dịch dân số nông nghiệp. Trong nhiều năm qua, dân số nông nghiệp Trung Quốc tràn vào các thành phố lớn với số lượng đông đảo, đặc biệt là người lao động làm việc tại các thành phố ven biển phía Đông đã gây ra một loạt những hậu quả kinh tế xã hội tiêu cực. Một mặt, việc chuyển dịch dân số nông nghiệp này khiến dân số của các đô thị lớn trở nên quá tải, môi trường sống và làm việc trở nên xấu đi, khả năng thu nạp dân số nông nghiệp chuyển dịch cũng kém đi rõ rệt. Mặt khác, gần 240 triệu người lao động nông thôn trong toàn quốc đi lên các thành phố đều không có thân phận của một người thành phố; cuộc

sống của những người già, phụ nữ và trẻ nhỏ ở lại nông thôn càng trở nên khổ cực. Việc những người lao động nông thôn không thể nhập vào thành phố một cách thuận lợi và chia sẻ những thành quả phát triển kinh tế xã hội quốc gia một cách công bằng là cái giá xã hội và món nợ đạo đức của đô thị hóa đất nước. Trái lại, ngưỡng cửa của các đô thị vừa và nhỏ là khá thấp và sẽ trở thành nơi quan trọng dành cho dân số nông nghiệp chuyển dịch.

Thứ hai, xu thế các đô thị lớn tập trung đông đúc dân số và các ngành công nghiệp đã khiến cho ngày càng nhiều người lao động nông thôn lựa chọn làm việc tại các thị trấn nhỏ hoặc các đô thị vừa và nhỏ ở gần quê hương họ. Các đô thị vừa và nhỏ cũng như các thị trấn nhỏ đã bắt đầu có tác dụng trong việc thu hút việc làm, thúc đẩy sự phân bố đồng đều các dịch vụ công cộng cơ bản. Yêu cầu căn bản trong đô thị hóa kiểu mới là đô thị hóa dân số chứ không phải đô thị hóa đất đai. Người lao động nông thôn trở thành người dân đô thị hay dân số nông nghiệp chuyển dịch chắc chắn sẽ là nhiệm vụ trọng tâm của đô thị hóa tương lai.

Thứ ba, các đô thị vừa và nhỏ là trọng điểm chiến lược của hệ thống đô thị tối ưu hóa. Trung Quốc đã bước vào giai đoạn giữa của đô thị hóa, tuy nhiên thực tế về bố cục hệ thống đô thị lại không mấy lạc quan. Thực tế cho thấy, số lượng các đô thị lớn không nhiều nhưng dân số tập trung lại quá đông, áp lực chuyển đổi rất lớn; các đô thị vừa và nhỏ có tốc độ phát triển khá chậm, hơn nữa lại đối mặt với những hạn chế như mất bản sắc, tài nguyên dịch vụ công cộng không đầy đủ, sức cạnh tranh công nghiệp yếu... Các thị trấn nhỏ tuy dân số đã có tăng lên nhưng chất lượng đô thị hóa thấp, cơ sở hạ tầng lạc hậu nên không thể phát huy hiệu quả dẫn dắt đối với nông thôn và các ngành nông nghiệp. Sự thiếu cân bằng trong toàn bộ hệ thống đô thị đang chờ đợi sự cải tiến và tối ưu hóa. Phát triển các đô thị vừa và nhỏ là điểm khởi đầu quan trọng nhằm xây dựng lại hệ

thống đô thị, tối ưu hóa bố cục chiến lược không gian đô thị hóa của Trung Quốc. Một mặt, sự phát triển của các đô thị vừa và nhỏ có thể tạo điều kiện chuyển dịch dân số và ngành công nghiệp từ các thành phố lớn, từ đó có lợi cho môi trường tại các đô thị lớn, giúp nâng cao chất lượng quản lý và dịch vụ, tiếp nhận tốt hơn sự chuyển dịch của công nghiệp quốc tế, từ đó phát huy chức năng dẫn dắt lan tỏa của khu vực. Mặt khác, dựa vào chức năng của các đô thị lớn trong khu vực, kết hợp với đặc điểm, năng lực và tài nguyên tự thân của các đô thị vừa và nhỏ để tiến hành định vị, phát triển trọng điểm một loạt đô thị vừa và nhỏ để có thể thúc đẩy tốt hơn chính thể kinh tế khu vực, hình thành hiệu ứng quần thể đô thị cùng phát triển.

Thứ tư, các đô thị vừa và nhỏ là lực lượng chủ lực thực thi phát triển xanh, các bon thấp. Hiện tại, đô thị hóa tại Trung Quốc đối mặt với rất nhiều thách thức về đất đai, năng lượng, tài nguyên nước và môi trường, kiên trì đi theo con đường đô thị hóa kiểu mới xanh, các bon thấp là con đường tất yếu. Không gian các đô thị vừa và nhỏ phân bố rộng, chi phí cho mô hình phát triển cacbon thấp cũng khá thấp. Thúc đẩy phát triển xanh và cacbon thấp tại các đô thị vừa và nhỏ có ý nghĩa thực chất đối với việc thực hiện quá trình chuyển đổi phát triển cacbon thấp tại Trung Quốc.

3. Chiến lược và con đường phát triển các thành phố vừa và nhỏ

Thứ nhất, tối ưu hóa dịch vụ công cộng và xử lý công cộng: Không ngừng tối ưu hóa tác dụng chỉ đạo của Chính quyền địa phương trong tiến trình đô thị hóa kiểu mới, đặc biệt là cần kịp thời cải cách, thúc đẩy có trình tự các chế độ hộ tịch, chế độ đất đai, chế độ thuế tài chính và cơ chế thể chế quản lý hành chính... để tạo môi trường chế độ thuận lợi. Đặc trưng bản chất của đô thị hóa kiểu mới là sự tập trung và bố trí tối ưu các yếu tố tài nguyên, do vậy, việc phát huy đầy đủ tác dụng chỉ đạo của thị trường, trong các phương diện cung cấp đất

đai, tài chính và môi trường là hết sức quan trọng, cần đi sâu cải cách thị trường, hình thành cơ chế khuyến khích ràng buộc hợp lý. Ngoài ra, cần tăng cường đổi mới xử lý, tối ưu hóa cơ chế xử lý giữa các khu vực, các cơ quan và các cộng đồng cơ sở.

Thứ hai, thực thi quy hoạch các đô thị vừa và nhỏ dựa trên các nhóm đô thị: Các đô thị lớn, vừa và nhỏ trong phạm vi khu vực cần cố gắng xây dựng mối liên hệ nội tại hợp lý, hỗ trợ lẫn nhau, về mặt không gian hình thành hệ thống mạng lưới các đô thị, về mặt công nghiệp hình thành hệ thống các giá trị đô thị.

Thứ ba, hoàn thiện bố cục các ngành công nghiệp hiện đại giữa các đô thị lớn, vừa và nhỏ: Với mọi cấp độ và quy mô đô thị, cần phát huy ưu thế tự thân, thiết lập các ngành công nghiệp phù hợp với điều kiện phát triển của các đô thị.

Thứ tư, kiên trì phát triển xanh, cacbon thấp: Những ưu thế thuận tiện cho việc cư trú ngày càng thể hiện rõ rệt tại các đô thị vừa và nhỏ. Cần tích cực quy hoạch con đường phát triển xanh, cacbon thấp, phát huy những ưu thế phong phú về mặt tài nguyên sạch như năng lượng gió, năng lượng nước, khí sinh học nông thôn..., khai thác tận dụng năng lượng sạch, phát triển công nghiệp cacbon thấp từ đó mở rộng ưu thế thích hợp cư trú, thu hút nhân tài và sự đầu tư.

Thứ năm, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa: Văn hóa là tài sản và là điểm phân biệt quan trọng giữa các đô thị vừa và nhỏ. Các đô thị vừa và nhỏ cần kế thừa và phát triển văn hóa khu vực, thoát khỏi sai lầm làm mất đi văn hóa của đô thị hóa truyền thống, thông qua kế thừa và đổi mới để tăng cường bản sắc và sức hấp dẫn của đô thị, nâng cao năng lực sáng tạo và đổi mới của các đô thị.

Vương Phương

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 1/2014

ND: Kim Nhạn

Sự tiến hóa của nhà ở trong điều kiện mới

Nhà ở là một hệ thống phức tạp luôn trong trạng thái tiến hoá. Nghiên cứu đặc điểm của nhà ở hình thành trong điều kiện kinh tế mới ở LB Nga và so sánh với các thay đổi về xã hội đang diễn ra trong cộng đồng, cho phép nêu ra các đặc trưng về tính hiện đại và cách tổ chức không gian - kiến trúc của nhà ở.

Vào đầu thời kỳ cải tổ, hầu hết nhà ở đô thị (trừ loại nhà ở do các hợp tác xã xây dựng với tỷ lệ không lớn) đều do nhà nước xây dựng và cho các gia đình thuê ở. Nhà ở này không phải là sở hữu tư nhân của người sử dụng, không được bán, thừa kế, cho tặng mà đơn thuần chỉ là chỗ ở của thế hệ này đến thế hệ khác. Nhà ở được xây dựng trên cơ sở tính toán đối với người sử dụng có mức thu nhập trung bình và sự khác nhau giữa các căn hộ chỉ là số phòng trong căn hộ; diện tích của mỗi căn phòng trong căn hộ từng bước được nâng lên cùng với sự phát triển kinh tế đất nước; còn quy hoạch nội thất căn hộ thì cũng từng bước được cải thiện cùng với xu thế phát triển. Tuy nhiên, nhu cầu riêng của mỗi gia đình nhất là của từng thành viên trong gia đình thì còn chưa được quan tâm đầy đủ.

Thêm vào đó, trong nước đã hình thành được cơ sở xây dựng nhà bằng phương pháp công nghiệp tương đối phát triển, hàng năm xây dựng được trên 15 triệu căn hộ. Quý nhà ở trong nước đạt 2.425 triệu m² diện tích sử dụng trong đó 71% số diện tích được xây dựng trong các đô thị. Ngoài các loại công trình nhà ở xây dựng vào thập niên 1930 chủ yếu thuộc loại nhà panel tấm lớn theo thiết kế điển hình trong khi đó loại nhà ở xây dựng hàng loạt vào thập niên 1950 - 1960 được hoàn thiện hơn. Cùng với thời gian số tầng nhà cũng từng bước được nâng cao; loại nhà ở hợp khối lớn xuất hiện; ngoài đơn nguyên kiểu dãy và đầu mút thì xuất hiện các kiểu đơn nguyên góc và đơn nguyên vòng với các biến thể khác nhau; bên trong căn

hộ đã có phòng bếp diện tích 12 m² - 16 m². Bộ mặt nhà ở cũng thay đổi do sử dụng các loại đơn nguyên khác nhau kết hợp với thay đổi số tầng kèm theo việc sử dụng ban công và logia nên tính linh hoạt của nhà cũng được nâng cao.

Đến đầu thập niên 1990 theo số liệu của Ủy ban Thống kê nhà nước, có 73,7% gia đình sử dụng căn hộ độc lập, 17,7% gia đình - nhà ở đơn lập, 2,4% gia đình - căn hộ tập thể, 19% gia đình - nhà ở ký túc xá, 4,3% gia đình - một phần của ngôi nhà. Từ năm 1994 thông qua thống kê dân số được biết số gia đình sử dụng căn hộ độc lập đã tăng thêm 5,8% (đạt 79,5%) và các chỉ tiêu khác cũng phần nào được cải thiện.

Chuyển sang quan hệ kinh tế thị trường việc xây dựng nhà ở xã hội trong đô thị bị cắt giảm; đây là loại nhà mà xét số lượng phòng trong căn hộ và diện tích sử dụng được điều tiết chặt chẽ theo các tiêu chuẩn xây dựng. Do vậy, giải pháp cho vấn đề nhà ở cũng phức tạp hơn nhiều. Loại nhà ở thương mại đáp ứng được khả năng kinh tế của các tầng lớp dân cư mới trong xã hội đã xuất hiện, đồng thời được phát triển mạnh mẽ.

Xu thế phát triển nhà ở đô thị đáp ứng được một cách rõ ràng sự phân tầng kinh tế mới trong dân cư. Vào đầu thời kỳ cải tổ, xã hội học trong nước phân chia dân cư ra thành các giai cấp và nhóm xã hội không căn cứ trên đặc tính lao động như trước đây mà tùy thuộc vào vị thế kinh tế. Hiện nay, nhiều công trình nghiên cứu phân chia dân cư ra thành 5 tầng lớp xã hội (giai cấp) căn cứ theo mức độ giàu có về của cải vật chất như sau:

- Người rất nghèo (tầng lớp nghèo nhất): Tầng lớp này được đặc trưng bởi sự sở hữu tiền ở mức tối thiểu chỉ bảo đảm mức độ sinh lý tiêu dùng cho phép và thiếu khả năng cải thiện cuộc sống của họ. Đó là những người không có chỗ cư trú cố định (người vô gia cư);

- Người có mức sống thấp (người nghèo): Là

những người có tiền chi đủ cho chi phí hàng ngày để duy trì cuộc sống và chi tích lũy được một ít tiền để chi dùng cho việc chữa bệnh và bảo vệ sức khỏe trong trường hợp rất cần thiết;

- Người thu nhập trung bình: Ngoài việc có tiền cho việc chi dùng hàng ngày họ có thể đổi mới và mua sắm các vật dụng sử dụng lâu dài, cải thiện điều kiện ở, trả tiền học cho con cái và nâng cao trình độ nghề nghiệp của bản thân, bảo đảm chế độ nghỉ dưỡng hàng năm;

- Người giàu: Họ có đủ tiền để thoả mãn tất cả các nhu cầu của mình;

- Người rất giàu hay theo các thuật ngữ hiện đại thì gọi là nhà tài phiệt;

Căn cứ sự phân loại nêu trên chúng ta sẽ xem xét nhu cầu nhà ở và các khả năng kinh tế của các tầng lớp đó.

Kết quả lấy ý kiến dân cư sống tại các nhà ở tầng lớn 5 tầng tại các quận Fili-Đavudkovo và Kuntsevo thành phố Mátxcova vào giữa thập niên 1990 cho thấy 85% - 90% cư dân không thoả mãn với điều kiện nhà ở của họ. Trong số đó khoảng 65% cư dân thực sự không đủ điều kiện cải thiện điều kiện nhà ở vào thời điểm đó do các lý do kinh tế. Số còn lại khoảng 30% - 35% số gia đình có khả năng cải thiện điều kiện nhà ở của họ chỉ sau khi họ bán căn hộ của mình và bù thêm tiền để được căn hộ khác có thêm một căn phòng hoặc bù thêm tiền để chuyển sang sống tại ngôi nhà tiện nghi hơn (có thang máy, ống dẫn rác, lotja,...) và vào sống trong căn hộ có cùng số phòng như căn hộ cũ. Chỉ khoảng 2% - 7% số gia đình (tùy thuộc vào từng tiểu khu) có thể trả tiền để có được căn hộ mới "với mức mà họ có thể".

Những nghiên cứu khác tính đến năm 1998 cũng đưa ra những số liệu như sau: Không quá 10% số người có nhu cầu giải quyết vấn đề nhà ở có khả năng độc lập giải quyết vấn đề này; khoảng 40% - 45% số gia đình không có được khả năng đó, nghĩa là chưa được bảo trợ về xã hội; khoảng 40% số chủ nhà ở có khả năng cải thiện một phần nhà ở (về sau tỷ lệ này ngày

càng giảm).

Cách biệt kinh tế giữa các tầng lớp dân cư ngày càng tăng, đặc biệt là từ đầu thập niên 1990 và trở nên ổn định vào thời điểm hiện nay được thể hiện trong cơ cấu môi trường đô thị, trở thành yếu tố thúc đẩy hình thành các loại nhà ở mới, tạo điều kiện cho sự tăng kích thước của nhà ở cũng như sự phát triển của cấu trúc và hình dáng.

Vào đầu thời kỳ cải cách dường như các nhóm cư dân khác nhau về địa vị kinh tế có thể cùng sống trong một ngôi nhà nhiều tầng thậm chí trên cùng một ô cầu thang. Tuy nhiên, cùng với thời gian nhà ở của các nhóm xã hội nêu trên ngày càng cách biệt và khác biệt về không gian, kích thước căn hộ, cơ cấu các phòng trong căn hộ, tiện nghi và mức độ hoàn thiện cũng như về vị trí của nhà ở trong cấu trúc đô thị.

Dần dần loại nhà ở có mức tiện nghi cao đã xuất hiện và dành riêng cho người "giàu có". Trước hết các nhà ở đó được bố trí tại các khu vực trung tâm, có ý nghĩa lịch sử của đô thị nơi đã hình thành môi trường kiến trúc tương đối mang tính nhân văn và được tính toán về mặt nghệ thuật, trong đó hệ thống phục vụ văn hóa - đời sống và giao thông đã được hình thành. Trong trường hợp này các ngôi nhà cao cấp chỉ còn việc tùy theo khả năng mà được gắn vào môi trường lịch sử và bổ sung cho môi trường này bằng các loại hình dịch vụ tùy theo nhu cầu của những người sống trong các ngôi nhà đó. Trong các trường hợp khác sự ưa chuộng được dành cho các khu vực sạch sinh thái trong đô thị. Các khu vực sang trọng bắt đầu mọc lên một cách rõ rệt thậm chí đã xuất hiện các tổ hợp nhà ở biệt lập dành cho người giàu được bố trí cách biệt, sau các hàng rào cao, với sự phục vụ hàng ngày riêng, có khu vực nghỉ ngơi và bảo vệ. Thông thường đây là các khu đất mới, các khu đất trên mặt nước hoặc liền kề với các công viên đô thị rộng lớn nơi hiện vẫn còn bảo tồn được môi trường thiên nhiên sạch sinh thái và cùng với tầm nhìn tương ứng từ cửa sổ rất

quý giá trong một môi trường đang đô thị hóa mạnh. Ở đây một cũng giữ vai trò không kém phần quan trọng. Ví dụ, trong thời gian dài trong nhận thức của người dân Mátxcova đã hình thành những khái niệm về tính sang trọng của một số khu vực riêng biệt của thành phố như đường Kutuzov, đường Frunzen ven bờ, khu vực Krulatskoe cùng với nhiều khu vực khác ở Mátxcova.

Nhà ở thương mại đô thị được bố trí trong các nhà ở nhiều tầng nay cũng từng bước được phân ra các loại nhà ở khác nhau như nhà ở loại kinh tế, nhà ở kinh doanh và nhà ở cao cấp. Rõ ràng là ba kiểu nhà trên khác nhau về diện tích và số phòng trong mỗi căn hộ, số lượng phòng vệ sinh (từ 2 đến 7 phòng) và lotja, đặc điểm hoàn thiện và trang thiết bị kể cả số lượng chỗ để xe dành cho một gia đình; chỗ để xe thường được bố trí tại tầng nền hoặc tầng kỹ thuật dưới mặt đất. Đối với loại nhà này thường không bị giới hạn về định mức diện tích sử dụng tính trên một người và số phòng cho một gia đình. Các căn hộ tầng áp mái (penthouse) được bố trí trên mái của chung cư cao cấp giữ một vị trí đặc biệt. Đây thường là căn hộ 2 tầng đôi khi 3 tầng được bao quanh bởi sân thượng rộng và thường có tầm nhìn ấn tượng ra cảnh quan đô thị.

Cùng với sự phát triển của nhà ở cao cấp thấp tầng việc xây dựng biệt thự ở khu vực ngoại ô hoặc liền kề với khu vực dân cư nhỏ cũng phát triển nhanh chóng. Trên thực tế mỗi một đô thị - triệu phú và nhiều đô thị lớn ở nước Nga đều được bao quanh bởi các khu đô thị cao cấp như vậy. Các khu đô thị đó cũng khác nhau về loại nhà, loại hình phục vụ và điều kiện chỉnh trang tùy thuộc vào khả năng kinh tế của các chủ nhà. Tại một số khu đô thị thuộc loại khiêm tốn, các nhà ở đơn lập có diện tích sử dụng 150 - 250 m², ở các khu đô thị khác nơi các chủ sở hữu nhà giàu có hơn thì diện tích sử dụng của căn hộ khoảng 300 - 350 m². Cư dân của các khu đô thị sử dụng dịch vụ do các tổ chức cung cấp dịch vụ tại các điểm dân cư liền kề cung

cấp. Tại các khu nhà ở khác có các biệt thự hoặc vi la với diện tích 450 - 500 m² đôi khi trên 1000 m² và được xây dựng tương đối biệt lập. Trong các nhà ở trên ngoài phòng ở và phòng sinh hoạt chung của gia đình còn có bể bơi, phòng vệ sinh, nhà tắm nắng, vườn mùa đông, phòng bi-a, phòng khiêu vũ, phòng nghe nhạc, thư viện, phòng chiếu phim gia đình,...Việc phục vụ biệt lập cho các khu đô thị trên bao gồm ngoài các cơ sở cung cấp dịch vụ hàng ngày (như cửa hàng, quán cà phê, ...), vườn trẻ và trường học riêng còn có thêm các trung tâm thể dục riêng và các sân chơi quần vợt, phòng thể dục đa năng, câu lạc bộ thuyền buồm,... Các khu đô thị trên được bảo vệ suốt ngày đêm, có những người chăm sóc vườn và đội ngũ đông đảo những người phục vụ.

Để bảo đảm nhà ở cho tầng lớp dân cư rất nghèo không có tài sản (người vô gia cư) trong đô thị, hiện nay khối lượng xây dựng nhà ở xã hội còn khiêm tốn. Tại đây diện tích căn hộ và số lượng người sống trong căn hộ được tính toán chặt chẽ theo định mức tiêu chuẩn vệ sinh bố trí nhà ở với 9 m² sử dụng cho một người (diện tích phòng sử dụng chung là 15 m²) được quy định từ năm 1920. Nhiều người đang có nhu cầu nhà ở được đề nghị áp dụng cách thanh toán theo đó nhà nước chi trả cho 6 m²/người, phần còn lại người sử dụng căn hộ tự chi trả hoàn toàn. Khu vực xây dựng nhà ở xã hội được bảo đảm các dịch vụ công cộng ở mức tối thiểu. Loại nhà ở trên thường được xây dựng tại các khu vực gần đường giao thông lớn, đường sắt, khu công nghiệp, tại những khu vực mà chế độ sinh thái bị vi phạm và môi trường thiên nhiên xung quanh cũng bị vi phạm. Bên cạnh đó cũng có những tiểu khu nhà ở xã hội được xây dựng ở những khu vực tiện nghi; các tiểu khu nhà ở xã hội đó được khởi công xây dựng từ thời kỳ phát triển của Liên Xô.

Đặc điểm cơ bản của giai đoạn phát triển nhà ở hiện đại là sự xuất hiện của loại nhà ở thương mại. Loại nhà ở này đòi hỏi cách tiếp

cận riêng đối với quy hoạch từng căn hộ cũng như đối với cả ngôi nhà. Do vậy, ngoài các đồ án thiết kế mẫu thì ngày nay thiết kế cá biệt có tính đến nhu cầu của chủ đầu tư cụ thể ngày càng được sử dụng rộng rãi.

Trong tương lai, sự phân hóa xã hội sâu sắc hơn cùng với nhà ở đi kèm theo nó có thể diễn ra theo các định hướng về giá trị của từng cá nhân riêng biệt hoặc từng gia đình cụ thể. Theo kết quả nghiên cứu của các nhà xã hội học mà đã được các quan sát của chúng tôi khẳng định thì tất cả các gia đình ở đô thị có thể được phân chia ra thành 4 nhóm xã hội lớn căn cứ vào quan điểm nêu trên. Các nhóm đó khác nhau đáng kể về lối sống, những yêu cầu đối với môi trường đô thị, các loại nhà công cộng và nhất là diện tích và cơ cấu các phòng bên trong ngôi nhà của mình. Sự khác biệt đó là cơ sở cho việc lập quy hoạch căn hộ theo phương án và trang bị tiện nghi cho căn hộ. Trước đây, ở Liên Xô trong điều kiện diện tích căn hộ còn bị hạn chế nên chỉ những nhu cầu mang tính sinh học của từng gia đình và từng thành viên của gia đình là được đáp ứng thì ngày nay, đối với nhà ở thương mại đặc biệt là nhà ở cao cấp và nhà ở loại kinh doanh thì không gian của căn hộ có thể thay đổi trên cơ sở có tính đến những đặc điểm tương đối khác biệt hơn nữa về lối sống của gia đình và từng thành viên của gia đình.

Nhóm thứ nhất mang tính định hướng lao động nghề nghiệp. Điều đó có nghĩa là các thành viên của gia đình dành hầu như toàn bộ thời gian cho công việc nghề nghiệp tại nơi làm việc và ở nhà. Thuộc nhóm này có những người hoạt động trong lĩnh vực sáng tạo như nhạc sỹ, kiến trúc sư, họa sỹ kể cả các công chức làm việc trong các cơ quan cấp cao, nhà khoa học, nhà báo,... Ngoài phòng làm việc hoặc chỗ làm việc tại cơ quan, họ còn tổ chức cho bản thân chỗ làm việc rộng rãi và được trang bị tốt ngay tại nhà ở. Đó là các loại phòng làm việc như cabinet, studio, các loại phòng xưởng, phòng thí nghiệm, đôi khi là cả một nhóm phòng bao

gồm các loại phòng như phòng làm việc - xưởng, thư viện, phòng lưu trữ, phòng nghỉ. Do các thành viên của loại gia đình nêu trên thường có chế độ làm việc và nghỉ ngơi khác nhau nên họ ít khi gặp nhau tại bữa ăn và đặc biệt là không có nhu cầu bàn ăn rộng; chỗ ăn có diện tích không lớn ngay tại bếp có thể thỏa mãn nhu cầu của họ. Họ ít quan tâm đến các hình thức giải trí khác nhau còn việc tổ chức cuộc sống được tập trung vào việc giảm đến mức lớn nhất chi phí thời gian cho việc này. So sánh với những người khác, công việc trong gia đình của họ thường được cơ giới hóa ở mức cao, thông thường có các loại thiết bị kỹ thuật gia dụng hiện đại với số lượng lớn nhất có thể. Ngoài ra loại gia đình nêu trên là những người không thể không sử dụng dịch vụ đời sống.

Nhóm thứ hai bao gồm các gia đình được định hướng vào các giá trị của lối sống gia đình. Họ có cách sống mang tính gia đình mở rộng được củng cố bởi lối sống phát triển (thông thường đó là gia đình có một vài con). Các công việc trong gia đình của họ được thực hiện tại các phòng sinh hoạt gia đình dành cho nhiều người và các phòng phụ của căn hộ và thường là trong các nhà ở đơn lập. Họ sử dụng lĩnh vực dịch vụ ở mức độ vừa phải (khoảng 7 - 9 loại dịch vụ). Họ thường có phòng bếp - ăn - tiếp khách kích thước to, nhưng thông thường loại phòng này còn được gọi là phòng bếp - sinh hoạt nơi họ chuẩn bị bữa ăn, khâu vá, trẻ nhỏ có thể chơi trò chơi, học sinh phổ thông có thể học bài, người lớn có thể đọc sách báo, tiếp khách và xem truyền hình. Thông thường loại phòng bếp - sinh hoạt này được bảo quanh bởi nhiều phòng phụ (như phòng kho với nhiều công năng, phòng giặt,...) kể cả có ban công - lotja làm nơi bảo quản thực phẩm và phơi quần áo.

Nhóm thứ ba bao gồm các gia đình thực hiện hoạt động văn hoá mở rộng. Hoạt động đó được triển khai tại khu vực công cộng (như quán rượu, phòng hoà nhạc, nhà hát, nhà triển lãm,...) và ở ngay tại nhà dưới hình thức liên

hoan âm nhạc, dàn dựng vở kịch, tổ chức các lễ hội và các buổi diễn ban ngày cho trẻ em, gặp gỡ bạn bè và xem truyền hình. Các gia đình này tích cực sử dụng các cơ quan văn hoá của đô thị kể cả tổ chức một hoặc một vài phòng lớn cho hoạt động văn hoá ngay tại nhà của mình. Số lượng và chủng loại thiết bị của các phòng khác trong nhà trong trường hợp này đối với họ không có ý nghĩa quan trọng và có thể giảm đến mức nhỏ nhất.

Nhóm thứ tư bao gồm các gia đình thực hiện lối sống trang trọng, tham gia nhiều cuộc “họp mặt” khác nhau diễn ra tại các đô thị khác đôi khi ở nước ngoài. Nhà của họ được tổ chức để tiếp khách (số lượng khách từ 100 người trở lên) và các cuộc gặp trang trọng, các bữa ăn trưa và tiệc đứng mà thường là do người phục vụ trong nhà chuẩn bị. Loại nhà này thường có các phòng ngủ cho khách, chỗ để xe rộng cho khách. Các tiện nghi trên thường được bố trí trong các căn hộ chiếm trọn một tầng, trong các căn hộ áp mái và tại các biệt thự ngoại ô. Khu vực ở và sinh hoạt của chủ nhà thường được cách ly rõ ràng sao cho khách và những người khác không tiếp cận được. Việc phục vụ cho các gia đình này thường là những người phục vụ trong nhà (các gia nhân). Họ cũng có khu vực sống riêng và tách biệt với khu vực của chủ nhà và cũng được cách ly ở mức cần thiết.

Nhiều khi các gia đình kết hợp đặc điểm của các nhóm xã hội khác nhau về các định hướng giá trị của họ khiến tình trạng dân cư đô thị trở nên đa dạng hơn, tạo nên sự phức tạp hoá đối với cơ cấu, nhu cầu của dân cư và hành vi xã hội định hướng vào các hình thức nhà ở khác nhau. Chính xu thế hiện đại mở rộng, phức tạp hoá và khác biệt về nhu cầu nhà ở của xã hội là cơ sở cho sự phát triển của nhà ở, loại hình học nhà ở, cơ cấu các phòng trong nhà, sự bố

cục của ngôi nhà và sự bố trí của nhà trong cấu trúc đô thị.

Như vậy, các mối quan hệ thị trường cho phép bỏ qua sự giới hạn của các tiêu chuẩn và giải pháp mang tính trung hoà và tạo điều kiện cho sự phát triển của các loại hình và hình thức nhà ở, mở rộng cơ cấu của nhà ở, phức tạp hoá cấu trúc nhà ở, nâng cao chất lượng và tiện nghi, hình thành cách tiếp cận riêng biệt đối với chủ đầu tư,... Tất cả những điều đó được thể hiện trong sự phát triển cơ bản của toàn bộ hệ thống nhà ở mà cũng là sự đặc trưng đối với sự phát triển của các hệ thống sinh họ với các dấu hiệu chung đã được khoa học cơ bản nêu ra một cách rõ ràng từ lâu. Những dấu hiệu chính của các hệ thống đó như sau:

- Sự tăng trưởng về số lượng của toàn bộ hệ thống nói chung và sự tăng số lượng các bộ phận riêng biệt của hệ thống;
- Sự tăng số lượng loại và sự tăng tính đa dạng, sự tăng số lượng chức năng và tăng sự khác biệt giữa các chức năng;
- Sự phức tạp hoá cấu trúc bên trong của hệ thống công trình nói chung, của sự bố cục và sự mở rộng tính đa dạng của các hình thức;
- Tính nhiều phương án đối với sự phát triển theo nhiều hướng cùng với sự tồn tại của “nhiều nhánh phát triển tỏ ra còn lúng túng” với thời gian tồn tại bị giới hạn;

Do vậy, mặc dù khối lượng xây dựng nhà ở có bị giảm mạnh thế nhưng lĩnh vực xây dựng nhà ở hiện đại vẫn được xem là một hệ thống phát triển tích cực.

Kira Konstantinovna Kartashova

Nguồn: Tạp chí Xây dựng công nghiệp và dân dụng Nga, số 12/2013

ND: Huỳnh Phước

BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG VỀ CHÍNH SÁCH NHÀ Ở VÀ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2014



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại Hội nghị



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản phát biểu tại Hội nghị